

Dịch giả : **TRẦN DUY BÌNH**
NGUYÊN TRƯỞNG BAN KHẢO THÍ
HỘI Y DƯỢC VIỆT NAM

Y - HỌC

醫 學

TAM TU KINH
三 字 經

QUYỂN I



CHÂN DUNG DỊCH GIẢ



Handwritten signature









醫 學
Y - HỌC

三 字
TAM - TỰ

經
KINH

Quyển I

Đệ Tử Thanh - Y
PHẠM-HỮU-TRẠI phụng-biên

Người dịch : LÃO-Y
TRẦN - DUY - BÌNH
Nguyên Trưởng Ban Khảo Thí của hội
Y - DƯỢC VIỆT - NAM



DỊCH GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN
Cấm Trích Dịch và In Trùng



TỰA

Cụ TRẦN-DUY-BÌNH, tuy đã cao niên, nhưng không lúc nào là không nghĩ đến nâng cao y-nghiệp và phục vụ đồng bào. Năm 1952, một mình Cụ xông pha đất Bắc, tạo dựng nên Tổng-Chỉ Bắc-Việt của Hội Y-Dược Việt-Nam với những tay kiện tướng. Cụ làm cố vấn Ủy ban Trung-trương của Hội với óc sáng suốt và tấm lòng trung trinh. Cụ lại làm Trưởng ban Khảo thí cho Hội Y-Dược Việt-Nam trong hai năm 1954 và 1955.

Ngoài ra, Cụ không ngớt dạy học trò đề nổi nghiệp Cụ. Có nhiều người đã thành công rực rỡ.

Hôm nay, Cụ trao cho tôi quyền sách Y-Học Tam-Tự-Kinh mà ông Thanh-Y PHẠM-HỮU-TRAI có công ghi chép khi nghe Cụ giảng dạy. Cụ bảo tôi để tựa giùm. Tôi nghĩ rằng quyền này không cần tựa nữa, nhưng cũng nên nhắc lại với anh em một giai thoại của quyền sách ấy.

Ông TRẦN-TU-VIÊN, một vị nho y giữa đời nhà Thanh (ngang triều Gialong), vốn xuất thân trong đường khoa-nghiệp mà đem sở học của mình phụng sự đặc lực cho y-học. Ông có soạn ra bộ Y-Học Tam-Tự-Kinh, gồm hơn 700 câu thơ văn 3 chữ, dễ học, dễ nhớ và bao quát rất nhiều vấn đề.

Nhưng muốn cho quyền ấy ai ai cũng mê đọc, và muốn tránh khỏi cái thói dèm siểm của những kẻ không phục tài của bạn đồng nghiệp đương thời. Ông bèn thác danh là ông DIỆP-THIÊN-SĨ là thánh-y và đã mất mấy mươi năm về trước. Sau khi đắc kỳ sở nguyện, ông TRẦN-TU-VIÊN bèn làm bài tựa cho quyền ấy và nói rõ lại chính là tay ông đã làm ra.

Giai thoại kể trên chứng tỏ rằng quyền Y-Học Tam-Tự-Kinh đã được nhiều người mê đọc và truyền tụng. Ngày hôm nay, tôi chắc nó sẽ được các bạn đồng nghiệp hoan nghinh, thì công phu của Cụ TRẦN-DUY-BÌNH ắt không phải là phí vậy.

Nay kính tựa

NGUYỄN - VĂN - BA

Chánh Hội Trưởng
HỘI Y-DƯỢC VIỆT-NAM





Lời nói đầu

Lên núi mới thấy núi là cao, ra biển mới thấy biển là rộng, học nghề thuốc cũng như núi cao biển rộng, không biết sao cho cùng.

Thánh nhân đời xưa trị thiên hạ mà vẫn lo đến tính mạng dân, bởi vậy vua Thần-nông nếm các thứ cỏ cây phân ra từng tính để trị bệnh, nên mới có bộ Thần-nông bản-thảo ra đời vua Hoàng-đế với ông Kỳ bá, vua tôi vẫn đáp đề rõ về y lý để trị bệnh, nên mới có bộ Hoàng-đế nội kinh ra đời, kế sau có bộ Nạn-kinh của ông Tần-Việt-Nhân hiệu là Biển-Thước ra đời thuyết minh về y đạo và sưu tầm bổ thêm vào chỗ Tiên-Thánh chưa nói tới. Đến đời Hán có cụ Trương-trọng-Cánh hợp của các Tiên-Thánh lại đề minh thêm về y đạo. Y đạo từ đó rõ rệt như ban ngày, nên mới có bộ Thương-hàn Tạp-bệnh-luận ra đời trị lao bệnh nhân, bệnh nào thuốc ấy, hiệu nghiệm như dùi với trống, dùi đánh thì trống kêu, thế mới biết các bậc Thánh đời xưa từ vua đến quan đều coi tánh mạng của dân làm trọng, là vì nước phải có dân, dân mạnh thì nước mới giàu.

Nước ta về đời nhà Trần, có cụ Tuệ-Tĩnh, đời nhà Lê có cụ Hải-Thượng-Lân ông nghiên cứu theo phương pháp cổ truyền đã từng khởi từ hồi sanh biết bao nhiêu người, kể như vậy về học thuật Y-khoa ở phương Đông ta có phải là hèn là dở đâu, chỉ vì ta



không lưu tâm về Y-đạo cho là mặt nghệ, chỉ chăm chú về khoa cử đề ra làm quan, tức là vinh thân phì gia rồi. Đến hồi thực-dân Pháp sang đô hộ nước ta ngót 80 năm, ý muốn tiêu diệt thuốc ta đề tiêu thụ thuốc của họ, phần họ thấy nhiều người không biết đọc biết viết mà cũng ra làm thầy nên họ khinh bỉ nghề thuốc của ta, không có hệ thống, không có học thức, mà họ khinh bỉ cũng phải, vì họ học thuốc có trường học, có chuyên khoa.

Nhân khi tôi dạy học trò học thuốc, tôi đem bộ Y-học Tam-Tự-kinh của ông Trần-tu-Viên ra dạy, thấy giản dị mà nghĩa lý rất cao sâu, có thể giúp cho người làm thuốc đã lâu coi lại thêm tinh, mà người mới học thuốc có thể biết phương châm mà trị bệnh khỏi sai lầm, vậy nên tôi bắt học trò chép ra rồi tôi sửa lại đem ra xuất bản làm hai quyển thứ nhất và thứ nhì đề cống hiến cho chư vị quân tử, mong rằng có chỗ nào sai lầm xin chỉ giáo cho thì lấy làm may mắn lắm.

Viết tại Thủ đô SAIGON, ngày 10-6-1958
tức là ngày 23 tháng Tư năm Mậu-Tuất

LÃO-Y TRẦN - DUY - BÌNH

biệt hiệu THI MINH-TỬ

NGUYỄN TRƯỜNG BAN KHẢO THÍ CỦA
HỘI Y - DƯỢC VIỆT - NAM TOÀN QUỐC



PHỤ ĐỀ ÂM DƯƠNG

HIỂU ĐƯỢC MỘT CHỮ CÓ THỂ LÀM THUỐC ĐẶNG

Có người khách hỏi tôi rằng : « Đạo làm thuốc, xưa thánh-nhơn rõ được huyền-bí của trời đất ; đoạt được quyền tạo hóa, cứu người chết sống lại. Nếu không đọc hàng ngàn quyển sách, tham thấu cái lẽ của mọi sự mọi vật thì không thể được như vậy. « Ngày nay có người không thông nho mà chữa được bệnh, nổi được tiếng tăm là tại sao vậy ?

Tôi đáp rằng : » Giữa khoảng trời đất có lý và số, lý có thể thắng số. Nên những thầy có học vấn thời xa gần ai cũng kính trọng, mới có thể trọn được đạo cứu người. Như cụ TRỌNG-CẢNH là bậc thánh của nghiệp y mà thời ấy có ai biết ? xem vào bài tựa Thương-hàn-Luận của ngài thời rõ.

Cũng như đức TUYÊN-THÁNH (Khổng-Tử) đeo hai chữ Tổ-Vương đến trọn đời, đó là ý trời muốn để ngài truyền đạo tới muôn đời chớ không muốn cho ngài đặc dụng trong một thời.

Sau cụ TRỌNG-CẢNH có những bậc hiền ra đời, đều là không đặc chí ở đời, mới đóng cửa viết sách để làm kế truyền đạo về sau. Trong sách của ông Dụ-Gia-Ngôn, Vận-Bá vì nổi cảm giận mà bày tỏ những nỗi bất bình, đó là cái lý, số có thể nói được mà cũng không thể nói được.

Ngày nay nghiệp y chẳng kể người thông nho mới học được, chỉ cần biết chữ thì làm thầy thuốc được, cũng không kể người biết chữ nhiều hay ít, chỉ cần hiểu được một chữ là có thể làm thầy thuốc được.



— Ông khách hỏi : chữ nào vậy ? có phải chữ đinh (丁) không ?

— Tôi đáp rằng : Nó cũng giống như vậy. Không nó đâu xa nó tức là chữ nhọn. (人)

Người ta bởi âm tinh, đương khí hợp thành ; tả là dương, bên tả một phẩy là ngôi dương ; hữu là âm, bên hữu một móc là ngôi âm. Người viết sách gặp nét phẩy tự nhiên nhẹ tay phẩy một cái, dương chủ về khí ; khí thời phải nhẹ trong. Gặp nét móc tự nhiên nặng tay nhấn một cái, âm chủ về tinh, tinh thì phải nặng đục.

Hai nét ấy không bao giờ lia nhau, tức là đạo của âm dương căn cứ với nhau. Hai nét ấy mỗi nét đều có địa vị riêng tức là đạo âm dương đối đãi với nhau, như nét phẩy, ở bên tả mà không thể đem qua bên hữu được ; còn nét móc ở bên hữu mà không thể đưa qua bên tả được, đó là đạo âm dương không thể lẫn lộn được.

Bên tả nét phẩy trước nặng tay rồi sau nhẹ tay là muôn vật sanh ở thủy, tức là nghĩa nam nữ cấu tinh muôn vật hóa sanh bởi âm và dương.

Bên hữu nét móc trước nhẹ tay, sau nặng tay là hình sanh ở khí, tức là nghĩa « Đại tai can ngưng nãi thống thiên, chí tai khôn ngưng nãi thuận thừa thiên » dương gồm cả âm vậy.

Hai nét ấy hợp lại thành chữ nhọn (người) cái nghĩa hợp ấy trong sách thuốc gọi là bảo, trong Chu-Dịch gọi là giao, giao thời là thái vậy.

Ta thử lấy hình ảnh con người mà nói : dưới mũi trên miệng có một đường rãnh, huyết ấy gọi là nhọn.



trung, nghĩa là thân người ở giữa khoảng trời đất. Khí của trời thông ở mũi, khí của đất thông ở miệng.

Trời nuôi người ta lấy năm khí thì mũi hút lấy, đất nuôi người ta lấy năm vị thì miệng ăn lấy. Cái huyết ở giữa khoảng mũi và miệng ấy, cho nên gọi là nhơn-trung.

Từ nhơn-trung trở lên mắt, mũi, tai, đều hai lỗ cả, tức là chẵn. Từ nhơn-trung trở xuống miệng và nhị tiện đều một lỗ cả, tức là lẻ. Trên ba gạch chẵn tức là âm, dưới ba gạch lẻ tức là dương, lấy nghĩa địa thiên hợp thành quẻ thái. Vậy hình ảnh bên ngoài cũng phải hợp âm dương mới thành người.

Phương chi cái lý người ta sở sanh, cái nghĩa làm người rất lớn thay !. Nếu gặp các thầy thuốc hỏi một chữ đó đầu người có xe ngựa lộng-lẫy tự phụ là lương-y cũng không biết một chữ đó.

Ông khách nghe tôi nói rồi bèn cười xà bỏ đi.



CHƯƠNG I

醫 學 源 流

Y - HỌC NGUYÊN - LƯU

醫之始本岐黃 (Y chi thủy, bản Kỳ-Huỳnh) Tỏ nghề thuốc gốc từ ông Kỳ, ông Huỳnh.

Huỳnh tức là vua Huỳnh-Đế, Kỳ tức là bầy tôi Kỳ-Bá ; vua tôi vấn đáp để biết rõ nguồn gốc của kinh lạc, tạng phủ, vận-khí và trị bệnh. Cho nên người ta gọi hai ông ấy là tổ của nghề thuốc. Tuy bộ bản kinh của Thần-Nông đã có trước đời Kỳ-Huỳnh, nhưng về lý lẽ mâu nhiệm, dùng thuốc thì có trước từ bộ Nội-Kinh của ông Kỳ, Huỳnh.

靈樞作素問詳 (Linh Khu tác, Tố-Vấn tường) Bộ Linh-Khu làm ra, bộ Tố-Vấn tỏ ra.

Linh-Khu có chín quyển, Tố-Vấn cũng có chín quyển, gộp lại tức là Nội-Kinh. Hán thư Nghệ-Văn-Chí chép rằng : « Đó là mười tám thiên của bộ Huỳnh-Đế Nội-Kinh. » Bộ Nội-Kinh này của nghề thuốc cũng như bộ Ngũ-Kinh của nghiệp nho.

難經出更洋洋 (Nạn-Kinh xuất, cánh dương dương) Bộ Nạn-Kinh ra đời lại càng rộng rãi lên.

Dương dương là thịnh đại ; bộ Nạn-Kinh có tám mươi mốt chương làm cho rõ thêm ra ý nghĩa của bộ Nội-Kinh chưa nói tới, cũng có chỗ không hợp với Nội-Kinh.



Bởi thời ấy cách đời xưa chưa xa mấy mà có khảo cứu khác nhau chẳng ? Bộ Nạn-Kinh của ông Tần-Việt-Nhân hiệu là Biên-Thước người thời chiến quốc làm ra.

越漢季有南陽 (Việt Hán quý, hữu Nam-Dương) Cuối đời nhà Hán có người ở đất Nam-Dương.

Ông Trương-Cơ tự Trọng-Cảnh người ở Nam-Dương, làm quan Thái-Thú ở Trường-Sa viết ra bộ Thương-Hàn-Tập-Bình-Luận, Kim-Quý Ngọc-Hạp kinh.

六經辨聖道彰 (Lục kinh biện, thánh đạo chương) Sáu kinh biện rõ ra, đạo thánh càng tỏ ra.

Nội-Kinh nói rõ phép trị liệu bằng châm cứu. Cho đến đời ông Y-Doãn mới lập ra thang-dịch (thuốc thang). Ông Biên-Thước, ông Thương-Công hơn theo, cụ Trọng-Sư tức Trọng-Cảnh mới viết ra bộ Tập-bình Thương-Hàn chuyên dùng về phương-dược mà trị, nhưng các phương ấy đều do kinh-phương của Thần-Nông, Huỳnh-Đế truyền lại, mới hợp thành rộng lớn hơn.

傷寒著金匱藏 (Thương-Hàn chúc, Kim-Quy tạng) Viết ra bộ Thương-Hàn, bộ Kim-Quy bí tàng.

Ông Vương-Khảng-Đường nói những nghĩa lý luận trong Thương-Hàn như con thần long khi ẩn khi hiện, đầu đuôi giao lại các vầy vầy rõ ràng lắm (ý nói rất hay, mà lại rõ ràng) Bộ Kim-Quý Ngọc-Hạp là quý báu bí tàng; còn các phương thuốc không phải của cụ Nam-Dương làm ra, là những phương của thánh-nhân đời xưa để lại, cho nên gọi là Kinh-Phương. Các vị thuốc đều do ở Thần-Nông bản-kinh; không có phương ấy thì không trị được bệnh ấy, không có thuốc ấy thì không thành phương ấy, đầu phương thời hiệu nghiệm như tiếng trống vang.

垂方法立津梁 (Thùy phương-pháp, lập tân lương) Đề phương pháp lại, lập thành bờ bến,



Đức Trọng-Cảnh là bực thánh trong nghề thuốc ; nghiệp nho không thể bỏ sách của chí thánh để cầu đạo, nghề thuốc không thể ngoài sách của Trọng-Thánh để trị bệnh.

李唐後有千金 (Lý Đường hậu hữu Thiên-Kim)
Sau nhà Lý Đường có bộ Thiên-Kim.

Ông Tôn-Tur-Mạo (Điều) người ở Hoa-Nguyên, ẩn dật ở núi Thái-Bạch viết ra bộ Thiên-Kim phương, Thiên-Kim Dục-Phương, tất cả có ba chục quyển. Đến đời Tống-Nhơn-Tôn khiến ông Cao-Bảo-Hành và ông Lâm-Úc hiệu chỉnh lại, chia ra làm chín mươi ba quyển, so với bộ Kim-Quí có nhiều chỗ phù-phĩm lộn-xộn, nhưng dụng ý kỳ, dùng thuốc khéo. Thế cũng tự thành một Y-gia vậy.

外臺繼重醫林 (Ngoại-Đài kế, trọng Y Lâm)
Ngoại-Đài kế tiếp, trọng về Y-Lâm.

Ông Đường-Vương-Đào viết ra bộ Ngoại-Đài-Lâm bốn mươi quyển chia ra 1104 môn, tôn phương của Sào-Thị là thứ sách bí truyền của nghề thuốc.

後作者漸浸淫 (Hậu tác giả, tiệm tầm dâm)
Những người viết sách về sau này, lần lần sai lạc.

Những sách thuốc về sau này, không thể coi được.

紅紫色鄭衛音 (Hồng tử sắc, Trịnh Vệ âm)
Pha lộn sắc hồng, sắc tía, cũng như dâm thanh của nước Trịnh nước Vệ.

迨東垣重脾胃 (Đài Đông-Viên, trọng tỳ, vị)
Tới ông Đông-Viên trọng về tỳ, vị.

Ông Lý-Quả tự là Minh-Chí hiệu Đông-Viên lão nhơn, sanh đời nhà Nguyên, thọ được 72 tuổi làm ra Luận-Tỳ-Vị, Luận-Biến-Hoặc ; bộ Lan-Thất-Bí-Tàng, mới có mười bộ sách của Đông-Viên để lại đời sau.



温燥行升清氣 (Ôn táo hành, thăng thanh khí)
Làm về mặt ôn táo, thăng khí trong lên.

Như bài Bô-Trung-Ích-Khí và phép thăng dương tán hỏa ; ra dùng những vị Thương-Truật, bạch-truật, khương-hoạt, độc-hoạt, mộc-hương. trần-bì, cát-căn v.v.

雖未醇亦足貴 (Tuy vị thuần, diệc túc quý)
Dầu chưa được thuần túy lắm, nhưng cũng đủ quý.

Người ta bảo rằng : « ông Đông-Viên dùng thuốc cũng như Hần-Tin dụng binh, ». quân nhiều chừng nào càng hay chừng nấy, nhưng có chỗ lẫn lộn mình phải nên hiểu biết. Duy lấy tỳ vị làm trọng.

若河間專主火 (Nhược Hà-Giản, chuyên chủ hỏa)
Còn ông Hà-Giản, chuyên chủ hỏa.

Đời nhà Kim, ông Lư-Hoàng-Tổ, tự là Thủ-Trinh, người ở đất Hà-Giản, những thuyết chủ về hỏa, bắt đầu từ ông Hà-Giản.

遵之經斷自我 (Tuân chi kinh, đoán tự ngã)
Theo ở kinh phán đoán tự mình.

Nguyên bệnh có 29 điều gốc ở Nội-Kinh : chí chân, chí yếu đại luận, phần nhiều lấy hỏa làm lập luận, mà không tham thấu kinh chí, như hỏa bình-khí gọi là thăng-minh (vừa phải), như hỏa thái-quá gọi là hách-hi (chói-lọi) nếu hỏa bất-cập gọi là phục-minh (yếu sáng) ?. Biện về các chứng hư thực cũng như băng, thán trái nhau vậy.

一 二 方 奇 而 妥 (Nhứt nhị phương, kỳ nhi thỏa)
Có một hai phương, kỳ mà ổn thỏa.

Như những phương Lục-Nhứt-Tán, Phòng-Phong Thông-Thánh, các phương ấy đều kỳ (kỳ diệu) mà không lìa bỏ cái chánh vậy.



丹溪出平與儔 (Đan-Khê xuất, hân giữ trù)
Tới ông Đan-Khê ra, ít có người bì kịp.

Đời nhà Nguyên, ông Châu-Chấn-Hanh, tự là
Ngọan-Tu, hiệu là Đan-Khê, người ở Kim-Hoa, ông này
lập phương đối với các nhà cao hơn một bậc.

陰宜補陽勿浮 (Âm nghi bổ, dương vật phù)
Chân âm nên bổ, chân dương chớ nên phù uệt.

Tâm pháp của ông Đan-Khê bổ âm làm chủ, ông
bảo rằng : » dương thường có thừa, âm thường không
đủ. » Chư gia cho rằng : ông nói không đúng, họ nói
rằng : » người ta sống là nhờ khí của trời đất (nhơn đắc
thiên địa chi khí) để sanh ra cái khí, có sanh, tức là dương
khí, tinh huyết đều hóa sinh vậy. »

雜病法四字求 (Tập bệnh pháp, tứ tự cầu)
Phép trị tập bệnh, cầu ở bốn chữ.

Bốn chữ ấy là khí, huyết, đàm, uất, hết thấy tập bệnh
chỉ lấy bốn chữ ấy mà trị. Như về khí, dùng bài Quân-
Tử thang ; huyết, dùng bài Tứ-Vật thang ; đàm, dùng
bài Nhị-Trần ; uất, dùng bài Việt-Cúc, xoay sở thường
dùng các phương ấy rất hay.

若子和主攻破 (Nhược Tử-Hòa, chủ công
phá) Còn ông Tử-Hòa, chủ công phá.

Ông Trương-Tử-Hòa, trong sách của ông phần nhiều
chủ về các vị như : Đại-Hoàng, Phác-Tiêu, Khiên-Ngư,
Ngưon-Hoa, Đại-Kích, ý ông cho phải đuổi tà đi, thì
chính mới an, chớ sợ công mà nuôi bệnh.

中病良勿太過 (Trúng bệnh lương, vật thái-quá)
Trúng bệnh thời thôi, chớ nên thái-quá.

Phương pháp của ông Tử-Hòa, những thực chứng
không bỏ được, nhưng trúng bệnh thời thôi liền, không nên



uống nữa, nếu thái quá thời ngưng-khí sẽ theo tà-khí mà đi, cứu không kịp nữa.

四大家聲名噪 (Tứ đại gia, thịnh danh tảo)
Bốn đại gia, tiếng lừng lẫy.

Ông Lưu-hà-Giản, Trương-Tử-Hòa, Lý-Đông-Viên, Châu-Đan-Khê, thời kim nguyên gọi là tứ đại gia rất giỏi về nghiệp y.

必讀書錯名號 (Tất độc thư, thác danh hiệu)
Sách Tất-Độc lộn danh hiệu.

Lý sĩ-Tài Y-Tôn, Tất-Độc, tứ đại gia luận lấy họ Trương cho là Trương-Trọng-Cảnh thế là lầm lẫn, cụ Trọng-Cảnh là bậc thánh của nghiệp Y. Các ông đó so sánh làm sao được.

明後須酌量 (Minh dĩ hậu, tu chước lượng)
Từ nhà Minh trở về sau, phải nên lựa chọn.

Từ nhà Minh về sau nhiều sách thuộc ra đời, có coi cho rộng kiến văn, hay thời theo, dở thời bỏ, chớ không phải sách nào cũng hay hết.

詳而備王肯堂 (Tuông nhi bị, Vương-khẩn-Đường)
Nói rõ-ràng và đủ lẽ, ông Vương-Khẩn-Đường.

Ông Vương - Khẩn Đường tự là Thái viết ra bộ Chứng-Trị Chuẩn - Thẳng, cũng có thể đầy đủ trong rừng thuốc.

薛氏按說騎牆 (Tiết thị án, thuyết kỵ tường)
Y-Án của họ Tiết nói nước đôi (leo tường).

Đời nhà Minh ông Tiết-Kỷ hiệu là Lập-Trai, người Ngô-Huyện, làm ra bộ Tiết-Thị-Y-Án có mười-sáu (16) thứ, đại để như Tứ-Quân-Tử, Lục-Quân-Tử, Tiêu-Diêu-Tán, Qui-Tỳ-Thang, Lục-Bát-Vị, để chủ trị, mà lời nói nước đôi.

士材說守其常 (Sĩ Tài thuyết, thủ kỳ thường)
thuyết của ông Sĩ-Tài, giữ mực thường.

Lý-Trung-Tử hiệu là Sĩ-Tài người quốc-triều, viết ra ba quyển Y-Tôn Tất-Độc Sĩ-Tài. Tuy lời nói sơ sài



đều giữ mực thường, nhưng người mới học không nên bỏ qua.

景岳出著新方 (Cảnh-Nhạc xuất, trước Tân-Phương) Ông Cảnh-Nhạc ra, viết bộ Tân-Phương.

Đời nhà Minh Ông Trương-giới-Tân tự là Hội-Khanh hiệu là Cảnh-Nhạc người ở Sơn-âm viết ra loại kinh-Chất Nghi-Lục-Toàn Thư, dùng các phương không ngoài Tân-Phương Bát-Trần, nhưng thực ra không đủ gọi là danh phương, ngày xưa thánh-nhơn biết rõ máy tạo-hóa, hiểu cội gốc âm dương. Lập ra một phương không thể tưởng-tượng được, như lấy Thục-Địa bồ âm, Nhơn-Sâm bồ dương, Khương, Phụ đuôi lạnh, Cầm Liên trừ nhiệt. Nếu có mấy vị mà có thể gọi là danh phương, thì cần gì phải lập phương nữa.

石頑續温補鄉 (Thạch-Ngoan tục, ôn bồ hương) ông Thạch-Ngoan tiếp, chuyên về mặt ôn bồ.

Ông Trương — Lộ tự Lộ-Ngọc hiệu Thạch-Ngoan. Người quốc-triều, viết ra bộ Y-Thông Lập-Luận phần nhiều lấy ôn, bồ làm chủ, theo phép của Cảnh-Nhạc.

獻可論合二張 (Hiển-Khả-Luận, hợp nhị Trương) Luận của ông Hiến-Khả, hợp với hai họ Trương.

Ông Triệu-hiến-Khả hiệu là Dương-Quì viết ra bộ Y-Quán Đai-Chỉ trọng về Mạng-Môn. Cùng với phương-pháp của ông Trương-thạch-Ngoan, ông Trương-Cảnh-Nhạc giống nhau.

診脉法瀕湖昴 (Chẩn mạch pháp, Tần-Hồ ngang) Phép chẩn mạch, ông Tần-Hồ khá hơn.

Lý-Thời-Trần tự là Đông-Bích hiệu là Tần-Hồ viết bộ Bản-Thảo-Cương-Mục, có năm mươi hai quyển, tóm thâu các thuyết làm trái lộn với bản-kinh của Thần-Nông,



cưỡi quyền về mạch học cũng khá khá-nhiều thầy thuốc bây giờ lấy làm tôn trọng.

數子者各一長 (Số tử giả, các nhứt trưởng)
Mấy ông đó mỗi người có một cái giỏi.

Các ông ấy mỗi người có một cái giỏi. Tuy vậy mình nên lựa chỗ giỏi mà theo.

揆諸古亦荒唐 (Quĩ chư cổ diệc hoàng đường)
so với các thánh xưa cũng là hoang đường.

Lý thuốc không đúng với Nội-Kinh. Phép thuốc chưa rõ đạo Trọng-Cảnh, nếu may có đều trúng cũng không đời qui củ ngày xưa được.

長沙室尚徬徨 (Trường-Sa thất, thượng bàng-hoàng)
Học đạo của Trường Sa còn mơ màng, chưa hiểu thấu chân lý.

Mấy người ấy tuy gọi là tư-thực Trường-Sa (Trọng-Cảnh) nhưng ít có người hiểu thấu chân-lý của Trường-Sa.

惟韻伯能憲章 (Duy Vận-Bá năng hiến chương)
Duy có ông Vận-Bá, theo được đúng phép.

Ông Từ-Khê-Kha-Cầm tự là Vận Bá người quốc triều, Việt Thường-Hàn-Luận chú, thật là có công lớn với cụ Trọng-Cảnh mà lại rõ ra những bí chỉ ở trong bộ nội-Kinh.

徐尤著本喻昌 (Từ, Vu trưóc, bản Dự-Xương)
ông Từ, ông Vu, viết sách đều gốc ở ông Dự-Xương.

Ông Từ-Bân hiệu là Trung-Khả, ông Vu-Di hiệu là Tại-Kinh hai ông ấy chú bộ Kim-Quĩ, theo như ông Dự-gia-Ngôn đã khảo cứu, ông gia-Ngôn tên là Xương người ở quận Nam-Xương tỉnh Giang-Tây, chuyên về nghề thuốc,



viết ra thiên Thượng-Luận, chữ trương thái-quá, nhưng pháp-luật trong nghề thuốc cũng có thể rõ được bí chỉ trong bộ Kim-Quy.

大作者推錢塘 (Đại tác-giả, xuy tiền đường)
Nhà đại tác-giả, có thời Tiền Đường là hơn cả.

Ông Trương Chí Bằng hiệu là Ân-Am ; ông Cao-thế-Thức hiệu là Sĩ-Tôn cùng người ở Tiền Đường, tỉnh Chiết-Giang, đời Khang-Hy hai ông cùng học về nghề thuốc, cùng với đời không hợp, đóng cửa viết sách để truyền đạo về sau. Chú những bộ Nội Kinh, Bản-Thảo Kinh, Thương-Hàn. Luận và bộ Kim-Quy, phát minh ra được những điều mà cõn-hân chưa phát minh ra, thật là một bộ sách đứng bực nhất từ đời nhà Hán trở về sau, những người làm thuốc đời nay sợ khó mà không dám coi tới.

取法上得慈航 (Thủ phép thượng, đắc tử hằng)
lấy phép ở trên, sẽ được ở giữa.

Chớ đừng lấy những sách như Y-Phương-Tập Giải, Bản-Thảo Bí-Yếu, Y-Tôn Tất Độc, Vạn-Bình Hồi-Xuân, Bản-Thảo Cương-Mục, Đông Y Bửu-Giám, Phùng-Thị Cầm-Nang, Cảnh-Nhạc Toàn-Thư, Tiết-Thị Y-Án làm mau chóng vẫn tất, những người đời nay không chịu xuy xét. Chỉ theo mấy chục phương hủ lậu của những sách ấy để cầu may thì không đáng kể làm chi.



SÁNG LẬP 1924

QUANG - VIỆN LUNA

TIỆM CHÍNH : 81 đại lộ Nguyễn.Huệ - Đ.T.
21.289 SAIGON

CHI - NHÁNH : 129 Lê.thánh.Tôn - SAIGON

— PHÒNG THỬ MẮT ĐẦY ĐỦ DỤNG-CỤ
TỐI-TÂN

— XƯỞNG MÁY CHẾ TẠO CÁC LOẠI
KÍNH THUỐC DUY NHẤT VIỆT-NAM

Một nhà kính rất tin-nhiệm do :

Giám đốc TRẦN-VĂN PHI

Opticien diplômé d'Etat et d'ESO

F.I. Ingénieur de l'Institut d'Optique de Paris

Chúng tôi là đại-diện và giám-khảo cho trường :

INSTITUT CENTRAL D'OPTIQUE DE PARIS

day Quang-học Nhân-kính theo lối gửi thư.

Biên thư hỏi điều lệ



CHƯƠNG II

中 風

TRUNG - PHONG

人百病首中風 (Nhơn bách bệnh, thủ trúng-phong) Trăm bệnh người ta, trước bởi trúng-phong.

Trăm bệnh của người ta, bán đầu do trúng-phong. Nội-Kinh nói rằng : « Phong vi bách bệnh chi trưởng giả. » Tiên Y nói rằng : « Trúng ở tạng phần nhiều hay trệ cửu-khiếu, sanh ra chứng mất tiếng, tai ù, mắt mờ, nghe mũi tiện khó. Trúng phủ thời tay chơn bủng-rủng. Trúng kinh thời miệng méo mắt xích (lệch). Trúng huyết mạch thời bán thân bất toại ».

驟然得八方通 (Sậu nhiên đắc bát phương thông) Bỗng chốc mà bị, nên thông tám hướng.

Trúng-phong là những chứng thịnh-linh té ngã bất tỉnh nhân sự, hoặc bị đàm trào lên, tay chơn co rút. Bát phương là Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông-Bắc, Tây-Bắc, Đông-Nam, Tây-Nam.

閉與脫大不同 (Bế giữ thoát, đại bất đồng) Bế với thoát không giống nhau.

Bế với thoát, phần nhiều không giống nhau. Phong là biến chuyển mau lẹ ; bế là nhân trong tạng phủ con người hàn nhiệt mà dôi dỗi, như tạng phủ con người gốc uất nhiệt, thì phong nhân vào hỏa lực, hỏa mượn oai phong mà



làm ra nhiệt phong. Nếu người nào tạng phủ vốn thuộc hư hàn thời phong thủy gặp nhau, thành hàn băng lạnh thấu xương mà làm ra hàn-phong. Nhiệt-phong phần nhiều thấy bễ chứng, trước hết phải làm cho thông; còn hàn-phong phần nhiều thấy thoát chứng nên ôn bổ cho gấp.

開邪閉續命雄 (Khai tà bế, tục mạng hùng)
Khai tà bế, thang Tục-Mạng là mạnh.

Tiểu-tục-Mạng thang là đội quân hùng mạnh nhất (hùng sư) chữa về trúng phong. Y như lục kinh gia giảm mà trị; Tiểu-tục-Mạng thang chuyên về khu tà, bế thì nên khai ở biểu, tức là thang Tiểu-Tục-Mạng, hoặc khai ở trong thì dùng thang Tam-Hóa, hoặc khai đàm ủng trệ dùng thang hóa đàm hay hi-diêm-tán.

回氣脫參附功 (Hồi khí thoát, Sâm, phụ công)
Hồi được khí thoát, có thang Sâm, Phụ công hiệu.

Chứng thoát nên dùng Sâm-Phụ thang giữ chắc vệ-khí Qui-Phụ thang giữ chắc vinh-khí; Truật-Phụ thang giữ chắc tỳ khí; Kỳ Phụ thang giữ chắc vệ-khí. Trước hết phải hồi khí rồi sau mới trị phong như Tam-Sanh Âm gia Nhơn-Sâm một lượng, đó là phép trị chánh cả gốc lẫn ngọn, hư tà thịnh cũng dùng thang ấy mà gia giảm.

顧其名思其義 (Cố kỳ danh, tư kỳ nghĩa) Thấy được danh, tư kỳ nghĩa) Thấy được danh phải nhớ nghĩa.

Tên gọi là phong tức gió tám hướng, tên gọi là trúng tức gió từ ngoài vào. Người đời sau xuyên-tạc đều không nên theo.

若舍風非其治 (Nhược xả phong, phi kỳ trị)
Nếu bỏ phong, không đúng phép trị.

Nói là trúng-phong thì không ngoài cách trị trúng-phong mà trị cách khác được.



火氣痰三子備 (Hỏa, khí, đàm, tam tử bị)
Hỏa, khí, đàm có ba ông đầy đủ.

Ông Lưu-Hà-Giản cho rằng : » Ngũ-Chí quá cực động hỏa mà trúng, vì nóng nhiều nên chủ về hỏa, đại pháp như dùng Phòng-Phong Thông-Thánh Tán để dẫn hỏa qui nguyên (dẫn lửa trở lại lò) Và thang Địa-Hoàng Âm-Tử. « Ông Lý-Đông-Viên cho rằng : » Ngươn-khí không đủ nên tà lẫn vào trong người làm té ra như cơn gió tạt vậy. Nên chủ trị khí hư đại pháp dùng thang Bổ-Trung Ích-Khí gia giảm. »

Ông Chu-Đan-Kê cho rằng : đông nam khí ôn có nhiều thấp khí mà có bệnh phong, chớ không phải là trúng-phong, bởi vì thấp sanh ra đàm, đàm sanh ra nhiệt, nhiệt sanh ra phong. Như thế chủ trị về thấp, đại pháp dùng bài Nhị-Trần gia Thương-Truật, Bạch-Truật, Trúc-Lịch, nước gừng những thứ đó.

不為中名為類 (Bất vi trúng, danh vị loại)
Không cho là trúng, cho là loại.

Trúng là từ ngoài nhập vào trong, mà ba ông ấy cho rằng gió không từ ngoài nhập vào trong được. Cho nên không gọi là trúng, thời Y cho là loại trúng-phong.

合而言小家伎 (Hợp nhi ngôn, tiểu gia kỹ). Nói tóm lại là thuật của tiểu gia.

Ông Lưu-Thiên-Dân nói rằng : « Cỗ nhân luận Trúng-Phong là nói về chứng » mà ba ông luận là bởi khí, bởi thấp, bởi hỏa, hợp với gió mà làm ra. Thì còn phân là trúng hay loại trúng làm chi.

瘡喝斜昏仆地 (Ăm oa tà, hôn phó địa)
Ăm là không nói được, oa tà là miệng méo mắt lệch, hôn phó địa là bất tỉnh như sự mà té ngã xuống đất.



Nếu gặp chứng ấy mà miệng mở, mắt nhắm, hoặc đàm lên, tay chơn co rút, đái son, mồ hôi như dầu là không trị được.

急救先柔潤次 (Cấp cứu tiên, nhu nhuận thứ)
Trước phải cấp cứu, sau hãy nhu nhuận.

Nhu nhuận là im gió, phép trị trúng-phong hay nhưt. Ông Dụ-gia-Ngôn dùng gia vị Lục-Quân-Tử thang, Tu-Thọ Giả-Ngữ thang rất hiệu nghiệm.

填竅方宗金匱 (Điền khiểu phương, tôn Kim-Quĩ) Phương điền khiểu, phải tôn Kim-Quĩ.

Nội-Kinh nói rằng : « Tà phạm vào các lỗ trống, trong bộ Kim-Quĩ có Hậu-Thị-Hắc tán. Phong-Dẫn thang là trị về mặt khu phong và lấp lại lỗ trống, lỗ trống đã lấp thì tà bên trong không ở được, bên ngoài gió mới không lọt vào được.

Ông Dụ-Gia-Ngôn nói rằng : « Cụ Trọng-Cảnh cho thuốc để lấp lỗ trống là để yên gió.

Người đời sau không hiểu nghĩa đó cứ muốn mở lỗ để đuổi phong ra nhưng lỗ càng trống thì phong càng mạch, }
thang Tám-Hóa, thang Dũ-Phong thang Đại-Tần-Giao cho là yếu phương, nói là của ông Thông-Chân-Tứ soạn ra mà không biết tên họ là gì ! Nhưng cũng là bọn vô-danh hạ-sĩ chỉ làm mê hoặc kiến văn người sau, thật chẳng khác nào người mù lại dẫn người đui vậy.



QT

BÀI THUỐC LOẠI TRÚNG-PHONG

Tiêu tục mạng thang. (thiên-kim phương) Trị tất cả chứng trúng-phong (thông trị lục-kinh trúng-phong)

Sanhosal
H. Seasm
T

麻黄	Ma-Hoàng (bỏ đốt)	1 chỉ	一	錢	
黄芩	Hoàng-cầm	1 chỉ	一	錢	
白芍	Bạch-Thược	1 chỉ	一	錢	
杏仁	Hạnh-Nhon	1 chỉ	一	錢	
桂枝	<u>Quế-Chi</u>	1 chỉ	一	錢	5 4
附子	<u>Phụ-Tử</u>	5 phân	分	五	3 2
人參	<u>Nhon-Sâm</u>	1 chỉ	一	錢	6 4
川芎	Xuyên-Khung	1 chỉ	一	錢	
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ	一	錢	
防己	Phòng-Kỷ	1 chỉ	一	錢	
防風	Phòng-Phong	1 chỉ	一	錢	
生羌	Cừng	3 lát	三	片	2 13

Sắc 2 chén rượu nước còn 8 phân uống.

— Ma-Hoàng, hạnh-nhon tức ma-hoàng thang : trị hàn ; Quế-Chi, thược-dược tức Quế-Chi thang : trị phong ; Sâm Thảo bỏ khi ; Khung, Thược dưỡng huyết ; phòng-phong trị phong đàm ; phòng-kỷ trị thấp đàm ; Phụ-tử trị hàn đàm ; Hoàng-Cầm trị nhiệt đàm. Cho nên thành ra phương làm thông gió (phong thông) Ông Lữ-Tôn-Hậu nói rằng : « Phương này không chia kinh-lạc, không kể hàn, nhiệt, hư, thiệt. Duy cần có nóng nhiều là trị rất hay. »

QT
Z

x x x x x x x x



Tam-hóa thang. Trị nhiệt phong trúng tạng, dại
tiện không thông.

大 黄	Đại-Hoàng	2 chỉ	二 錢
只 壳	Chỉ-Sắc	2 chỉ	二 錢
羌 活	Khương-Huyệt	2 chỉ	二 錢

Sắc 2 chén còn 8 phân uống.

— Tam Hóa là dùng Thừa-Khi Thang thông đại, tiện
gia Khương-Huyệt trị phong.

Cổ kim lục nghiệm tục mạng thang : Trị bệnh
trúng phong mê man không biết đau nhức, miệng không
nói được, hoặc co rút không gỡ mình được.

麻 黄	Ma-hoàng	3 chỉ
桂 枝	Quế-chi	3 chỉ
當 歸	Đương-qui	3 chỉ
人 參	Nhân sâm	3 chỉ
石 膏	Thạch-cao	3 chỉ
干 羌	Càn-kương	3 chỉ
甘 草	Cam-thảo	3 chỉ
川 芎	Xuyên-khung	1 chỉ rưỡi
杏 仁	Hạnh-nhân	5 chỉ

Sắc 3 chén còn một chén uống nóng, trùm mền cho
ra mồ hôi, mồ hôi ra được thì khỏi, nếu không ra mồ
hôi lại uống nữa, cấm không được ngồi trước gió.

Hí diên tán : Trị bệnh trúng-phong miệng câm và trị
chứng đơn-nga, song-nga.

巴 豆	Bả-Đậu	6 hột
明 礬	Minh-Phàn	1 lượng
牙 皂	Tạo-giác	3 chỉ



Trước lấy phèn nấu lên ngào với thuốc, đợi phèn khô tán nhuyễn mỗi lần dùng 3 phân thổi trong cướng họng, đàm nhiều thì uống năm phân với đấng-tâm, đàm ở cướng họng thì thổi ra, đàm ở cách hạ liên.

Sâm - phụ thang : Trị ngưng-khí thoát dùng thang này cấp hồi dương-khí lại, trong mười người có thể cứu được một, hai.

人參	Nhơn-Sâm	1 lượng
附子	Phụ-Tử	5 chỉ

sắc hai chén còn tám phân uống, thang này trị thận khí thoát.

Lấy Bạch-Truật thay Nhơn-Sâm gọi là Truật-Phụ Thang trị tỳ-khí thoát. Hoặc thay Hoàng-Kỳ gọi là Kỳ-Phụ-Thang, trị vệ khí thoát, Hay thay Đương-Quy gọi Quy-Phụ Thang trị vinh khí thoát.

Tâm-sanh âm : Trị hàn-phong trúng vào tạng tay chơn lạnh móp, đàm lên.

生烏頭	Sanh-ô Đầu	2 chỉ
生附子	Sanh Phụ-Tử	3 chỉ
生羌	Gùng	5 lát
生南星	Sanh Nam-Tinh	3 chỉ
木香	Mộc-Hương	5 phân

Sắc 2 chén còn 7 phân uống.

— Ô-Đầu táo nhiệt, hành kim trục hàn ; Nam-Tinh tân liệt (cay lắm) trừ đàm tán phong ; Mộc-Hương đề trần nghịch khí.

Phòng-phong thông thánh tán. Trị nhiệt phong, trúng ngoài kinh-lạc thì chân tay co rút, trúng tạng-phủ thì nhị tiện bế, phải dùng thang này mà giải.



防風	Phòng-Phong	1 chỉ
連翹	Liên-Kiêu	1 chỉ
薄荷	Bạc-Hà	1 chỉ
當歸	Đương-Quy	1 chỉ
白朮	Bạch-Truật	1 chỉ
大黃	Đại-Hoàng	1 chỉ
黃琴	Huỳnh-Cầm	1 chỉ
吉更	Kiết-Cánh	1 chỉ
滑石	Huyết-Thạch	2 chỉ
荊芥	Kinh-Giới	1 chỉ
麻黃	Ma-Hoàng	1 chỉ
川芎	Xuyên-Khung	1 chỉ
白芍	Bạch-Thược	1 chỉ
山梔	Sơn-Chi	1 chỉ
芒硝	Mang-Tiêu	1 chỉ
石膏	Thạch-Cao	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	2 chỉ
生羌	Gừng	3 lát

Sắc 3 chén còn 8 phân uống. Nếu tự lợi bỏ Mang-Tiêu, nếu có mồ-hôi bỏ Ma-Hoàng gia Quế-Chi hoặc ho có dải nhớt gia Bán-Hạ Ngũ-Vị.

— Kinh, Phòng, Ma-Hoàng, Bạc-Hà : làm ra mồ-hôi mà tán nhiệt, đuổi phong ; Chi-Tử, Huyết-Thạch, Tiêu, Hoàng : thông tiểu tiện mà hạ hỏa, hành thủy ; Cầm, Kiết, Thạch-Cao : thanh phế, tả vị ; Xuyên-Khung, Quy, Thuộc : bổ huyết, bổ gan ; Liên-Kiêu thông hơi trực huyết ú (tan máu) Cam, Truật : bổ bên trong làm ráo thấp âm, cho khi ra mồ-hôi không thương biểu, khi hạ không thương lý.



Địa-Hoàng Âm-Tử : Trị các chứng trúng-phong thân hư, lửa không trở lại lò, lưỡi cứng, không nói được, chân liệt không đi được.

THẬN
X.N.N.K
132

熟地	<u>Thục-Địa</u>	1 chỉ
遠志	Viễn-Chí	1 chỉ
石斛	Thạch-Học	1 chỉ
五味	<u>Ngũ-Vị</u>	1 chỉ
肉桂	<u>Nhục-Quế</u>	1 chỉ
附子	<u>Phụ-Tử</u>	1 chỉ
萊肉	Sơn-Thù-Nhục	1 chỉ
巴戟天	<u>Bà-Kích-Thiên</u>	1 chỉ
菖蒲	Xương-Bồ	1 chỉ
肉從容	<u>Nhục-Thung-Dung</u>	1 chỉ
麥冬	<u>Mạch-Đông</u>	1 chỉ
茯苓	Phục-Linh	1 chỉ
gia thêm 薄荷	Bạc-Hà	7 lá

Sắc 2 chén còn 8 phân uống.

— Thục-Địa nhuận cội gốc chân âm ; Quế, Phụ, Thung-Dung, Bà-Kích : đem ngưng hỏa trở lại ; Sơn-Thù, Thạch-Học bình vị, ôn can ; Viễn-Chí, Phục-Linh, Xương-Bồ : bổ tâm, thông thận ; Mạch-Đông : thêm nước nhuận phổi.

Khi thủy với hỏa đã thông nhau, thì gió tự khỏi. Ông Lưu-Hà-Giễn nói rằng : « Trúng-phong không phải trúng gió ở bên ngoài, mà do hơi thở bị ngăn đoạn vì tâm hỏa bạo hóa làm thận thủy hư suy không giao chế



nhau được nên té ra thông biết gì hết. » Khi trị nên điều hòa tạng phủ không kinh-lạc, là đủ trị trúng-phong.

Ông Y-Doãn nói rằng : « đàm dãi đưa lên tức là nước không có ở nguồn ; mặt đỏ bứt rứt là lửa không về lò. » Nên dùng Quế, Phụ dẫn lửa về chung với nước, thì mộc lại sanh thủy mà không sanh phong, thì phong tự nhiên hết.

Bồ-Trung Ích-Khí Thang : Trị trúng-phong các chứng thuộc về khí hư, vì khí hư mà phong mới trúng được. (Mập)

炙 底	Chích-Kỳ	2 chỉ
白 朮	Bạch-Truật	1 chỉ
人 參	Nhơn-Sâm	1 chỉ
當 歸	Đương-Quy	1 chỉ
炙 草	Chích-Thảo	5 phân
升 麻	Thăng-Ma	3 phân
生 羌	Gừng	3 lát
陳 皮	Trần-Bì	5 phân
紫 胡	Sài-Hồ	3 phân
大 棗	Đại-Táo	2 trái

— Ông Lý-Đông-Viên nói rằng : « Thăng, Sại, tính thuộc dương, làm thanh ở tỳ, vị, đi theo dương đạo, lại dẫn Sâm, Kỳ, Thảo, đi ngược lên, giữ vững tấu-lý bên ngoài. Phàm là dùng thuốc bổ tỳ vị, phần nhiều làm thăng dương bổ khí.

Nhị-Trần Thang : Chuyên làm thông đàm âm.

陳 皮	Trần-Bì	1 chỉ 5
茯 麥	Phục-Linh	3 chỉ



半夏	Bán-Hạ	3 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ
gia thêm 生羌	Gùng	3 lát

Sắc 3 chén còn 7 phân uống,

— Trần-Bì : (lợi khí) thông hơi ; Cam-Thảo : điều-hòa ; Linh, Hạ : trừ thấp. Khi khi điều hòa thì trừ được thấp, trừ được thấp thời đàm dãi tự nhiên tan đi tức thông vị.

Gia vị Lục-quân-tử thang.

(Phương này coi ở mục cách-thực)

X-77 81-84

Tức là bài thuốc vương đạo trị về bệnh trúng phong, gia mạch-dông 3 chỉ làm quân, phụ-tử một chỉ làm sứ rồi điều vào năm chỉ trúc-lịch, hai chỉ nước gừng sống để thông đàm trong kinh lạc.

Uống lâu tự khỏi.

Tu - Thợ - Giải - Ngũ Thang : (Dụ-Gia-Ngôn) Trị trúng phong tý hoàn, chứng lưỡi cứng không nói được, bán thân bất toại. Cái ý thang này với thang Địa-Hoàng Âm-Tử giống nhau. Nhưng Địa-Hoàng Âm-Tử trọng về thận ; phương này trị về tý, vị.

Handwritten notes: 防風, 天麻, 羚羊, 汁羌, 附子, 桑仁, 肉桂

防風	Phòng-Phong	1 chỉ
天麻	Thiên-Ma	1 chỉ
羚羊	Linh-Giác	1 chỉ
汁羌	Nước Gùng	2 chỉ 5 mà uống
附子	Phụ-Tử	1 chỉ
桑仁	Táo-Nhon	1 chỉ
肉桂	Nhục-Quế	8 phân

— Ông Dụ-Gia-Ngôn trị thận khí thường gia Câu.



Kỷ, Thủ-Ô, Sanh-Địa, Cúc-Hoa, Thiên-Đông, Xương-Bồ,
Ngưon-Sâm.

Hậu-Thị Hắc Tán : (Kim-Quỉ) Trị đại-phong tứ-
chi bức rức nặng nề, trong mình sợ lạnh.

菊花	Cúc-Hoa	4 lượng
防風	Phòng-Phong	1 lượng
細辛	Tế-Tân	3 chỉ
牡利	Mẫu-Lệ	3 chỉ
白朮	Bạch-Truật	1 lượng
吉更	Kiết-Cánh	8 chỉ
茯苓	Phục-Linh	3 chỉ
人參	Nhơn-Sâm	3 chỉ
礬石	Phàn-Thạch	3 chỉ
川芎	Xuyên-Khuong	3 chỉ
桂枝	Quế-Chí	3 chỉ
當歸	Đương-Quy	3 chỉ
干羌	Càn-khuong	3 chỉ
黃芩	Hoàng-Cầm	5 chỉ

— Mười bốn vị làm tán uống với rượu mỗi ngày
dùng một chỉ rượu. Cử các loại cá, củ tỏi, nên thường ăn
đồ lạnh ; Trong 60 ngày hết nóng tức là hạ rồi.

Phong-Dẫn Thang : Trị người lớn bị phong dẫn,
trẻ em bị kinh giản.

大黃	Đại-Hoàng	2 lượng
龍骨	Lông-Cốt	2 lượng
甘草	Cam-Thảo	1 lượng
寒水石	Hàn-Thủy-Thạch	3 lượng



	滑石	Huyết Thạch	3 lượng
紫	石英	Tử-Thạch-Anh	3 lượng
	干羌	Càn-kương	2 lượng
	桂枝	Quế-Chi	1 lượng 5
	牡利	Mẫu Lê	1 lượng
赤	石脂	Xích-Thạch-Chỉ	3 lượng
	石膏	Thạch-Cao	3 lượng
白	石脂	Bạch-Thạch-Chỉ	3 lượng



CÁI HẠI CỦA THUỐC ĐẮP THUỐC

ĐUỔI PHONG

Kim-Quỉ nói rằng : « Người ta sống là nhờ hơi gió (phong khí) « Câu nói rất tinh, phong tức là hơi. Người ta ở trong gió mà không thấy gió, cũng như cá ở trong nước mà không thấy nước, mũi thở ra hút vào nếu rời gió một phút phải chết.

Gió yên (phong tĩnh) tức là hòa phong để nuôi người, gió động (phong động) tức là tà-phong để hại người. Nếu người lớn bị bệnh trúng phong, trẻ em bị kinh phong với bệnh trạng, té ngã tay chơn co rút, mình nằm cong lại, mắt ngó trợn lên, miệng chảy dãi, ấy là hiện tượng của phong động, tức là gió độc vậy.

Gặp chứng ấy ông thầy nên làm cho tà phong hóa thành hòa-phong tức đuổi tà-khí phò chính khí.

Nay có nhiều thầy gặp trẻ em bị những chứng kinh giản rất nguy, liền dùng Tuy-Ma-Tử, Bả Đậu, Nam-Tinh, Lai-Phục-Tử, Toàn-Yết Đại-Hoàng, Tào-Giác, Tán nhuyễn hào với Vu-Bì, Băng Phiến, Xa-Hương rồi lấy Bạch-Mật hoặc nước hành gừng hòa lẫn đắp lên thóp thờ, giữa rún, gan bàn chân, làm phương-pháp đuổi phong. Đắp thuốc vào mười người không cứu được một. Đã chết rồi không ai dám trách, cho là thuốc đắp ở bên ngoài không hại. Chớ họ không



biết rằng : sau khi đắp thuốc vào cái ngươn-khí bị tan rã mà không bao giờ tụ lại được. Phương chỉ cái thóp thờ là nơi hội hợp của ngươn-dương, giữa bụng lá kho chứa tông-khí, giữa rún là cội rễ của tính mệnh, gan bàn chân là gốc của thận mạch. Ta không nên coi thường mà động đến.

Người xưa dùng Phụ-Tử, Hải-Câu-Thận, loại thuốc bổ đắp ở giữa rún. Nhưng các danh-y còn e sợ căn dặn không nên dùng. Phương chỉ là thứ thuốc độc hại người.

Phàm những người đã có lòng cứu đời, phải nên bãi bỏ những phép ấy, cũng đừng mê hoặc về thuyết màn kinh, cấp kinh, thực-tích, mà đem dùng những vị Khương-Huộc, Độc-Hoạt, Phòng-Phong, Tần-Giao, Tiến-Hồ, Xích-Thược, Câu-Đẳng, Kinh-Giới, Thiên-Ma, Hậu-Thất, Thần Khúc Sơn-Tra, Thương-Truật, Đổm-Tinh, Đinh-Lịch-Tử, La-Bạc-Tử, Bối-Mâu, Ngưu-Hoàng, Thiên-Thức-Hoàng, Chi Sác, Hạnh-Nhân, Thạch-Xương-Bồ, Cam-Thảo. Hoặc hợp làm một phương, hay hai ba phương.

Thì cũng tỷ như kẻ chạy năm mươi bước mà cười kẻ chạy một trăm bước vậy.



THUỐC BỔ

CỬU-LONG-HOÀN

VÕ-ĐÌNH-DẪN

35 năm được tín nhiệm
toàn cõi Việt - Nam

TRỊ 24 THỨ TRĨ

Bảo đảm 3 ngày rụng

Trị 24 thứ Bệnh Trĩ và các chứng bệnh con mắt
BỊNH PHONG TÌNH, BỊNH CÙI VÀ BỊNH TIM

DI — MỘNG — HUỢT TINH

Lò tai, lò mũi, cuồng hộng theo khoa học. Cờ kim, Điều
kinh. Bạch đới, mặt có tàn nhan, vết hầu ung thư, bệnh suyền,
ho lao, tê bại và các chứng ngoại khoa.

Đông Y-sư TRƯƠNG-CHẤN-GIANG

44, đường CHÁU-VẤN-TIỆP—CHOLON (phía trước rạp hát Lido)



CHƯƠNG III

虛 癆

BÌNH HƯ - LAO

虛癆病從何起 (Hư lao bệnh, tông hà khởi)
Bệnh hư lao, bởi đâu mà ra.

Khái thấu, thổ-huyết, ngũ-tâm phiền nhiệt, mắt hoa, tai kêu vo vo, miệng lở, mũi khô, thở gấp, ăn không biết mùi ngon, thân-thể yếu gầy, sợ hãi, mộng di tinh, khi nóng khi lạnh, lưỡi biếng muốn nằm, mệt mỏi xương nóng không ngủ được. Con gái không đường kinh bởi các chứng ấy thành ra lao bệnh vậy.

七情傷上損是 (Thất tình thương, thượng tổn thị) Bảy tình bị thương, tức là tổn ở trên.

Ông Biền-Thước nói rằng : “ Dương tổn là tổn từ trên xuống dưới, một là tổn phế, hai là tổn tâm, ba là tổn vị, nếu quá vị là không trị được. » Lời nói ấy gốc ở Nội-Kinh : Kinh ở nhị dương phát tại tâm, tỳ. Không được thông thái cho nên con gái không có kinh. Xét ra tâm tỳ ở trên nếu không được thông thái, thì con gái không có kinh, thế là ở trên cực trở xuống dưới.

歸脾湯二陽旨 (Qui tỳ thang, nhị dương chỉ)
Thang Qui-Tỳ, trị về bệnh nhị dương.



Nội-Kinh có nói bệnh nhị dương phát ở tâm tỳ, vậy lấy thang Qui-Tỳ làm phép đề dương thần. Lấy Lục-Vị Địa-Hoàng làm phép đề bổ tinh mà ông Cao-Cổ-Phong thường dùng.

下損由房幃適 (Hạ tổn do, Phòng vi nhi)
Tồn ở dưới, là bởi sự phòng vi.

Ông Biền-Thước nói rằng : « Thương ở âm là tổn từ dưới lên trên, một là tổn ở thận, hai là tổn ở can, ba là tổn ở tỳ, nếu qua khỏi tỳ là không trị được. » Thuyết này gốc ở Nội-Kinh cho rằng : ngũ tạng chủ tàng-tinh, không thể thương, nếu bị thương thì thất thũ thì không có khí, không có khí tức phải nguy. Xét rằng tinh sinh ra ngũ-tạng mà gom giữ ở thận, nếu sắc dục quá độ thì bị thương tinh thành tổn ở dưới mà đến thất thũ không khí, thì ở dưới cực trở lên trên.

傷元陽虧腎水 (Thương nguyên dương, khuỵ thận thủy) Nguyên dương bị thương, thì thiếu thận thủy.

Thận khí tức nguyên-dương, vậy nguyên-dương bị thương thì sanh ra những chứng mệt mỏi, ăn ít, tiện bí (đái đờng) eo lưng đau dương nuy (yếu) thận thủy tức là nguyên-âm, nếu nguyên-âm thiếu sanh ra những chứng, nóng này, ho, thổ huyết, tiện huyết, đi đái són, cuống họng đau miệng lở, răng sủng đau.

元陽傷八味使 (Nguyên dương thương, Bát-vị sử) Nguyên-dương bị thương, phải uống Bát-Vị.

Thôi-thị-Thận-Khí-Hườn, mà người sau gọi là Bát-Vị Địa-Hoàng, cái ý của phương này làm ấm thận-thủy, bổ dương nguyên-dương do cụ Tiết-Lập-Trai và Triệu-Dương-



Qui là người dùng đầu tiên đề ôn bổ mạng huyết (mạng-môn) các thời-Y dùng phương ấy làm chủ ôn bổ thận mạng. Ông Cảnh-Nhạc dùng Hữu-Quy-Âm, Hữu-Quy-Huàn là do ở đó những người nào chân hỏa suy yếu lắm thì lấy bài Hoàn-Thiếu-Đơn mà thế, nếu chân-dương hư cực nên dùng Bạch-Truật thang là công hiệu nhất.

各醫書伎止此 (Các y thư, kỹ chi thử) Các sách thuốc chỉ có thế thôi.

Những vị khổ hàn làm bại chơn vị, mà tân nhiệt lại hao chân âm, thì không nói làm chi, như những phương Lục-Vị, Quy-Tỳ là cái sai của các thầy thuốc thường dùng.

甘藥調回生理 (Cam dược điều, hồi sanh lý) Điều thuốc ngọt để hồi sanh.

Ông Biền-Thước nói rằng : Châm dược chẳng trị được, thì phải lấy cam dược mà điều trị. Ông Cảnh-Nhạc nhân theo đó. Ông Dụ-Gia-Ngôn nói rằng : « Mạng sống con người là bởi sự tích tinh nên mạnh. » Nhưng tinh sanh ở lúa gạo, ăn ít thời không sanh huyết, huyết ít thời không hóa tinh. Nội-Kinh nói rằng : « Tinh không đủ thời lấy vị mà bổ. » vị tức là vị của lúa gạo. Vậy bổ vị mà bớt hao đục, lẽ tất nhiên tinh tích càng nhiều, mà thọ mạng càng thêm.

建中湯金匱軌 (Kiến-Trung thang, Kim-Quy quỹ) Thang Kiến-Trung, là theo phép của Kim-Quy.

Tiểu-Kiến-Trung thang gia Hoàng-Cầm, Nhon-Sâm, Đương-Quy, Bạch-Truật, các vị ấy phần nhiều làm mạnh trung-khí làm ăn uống tăng lên mà tân-dịch vượng. Lấy ý ngũ-ngươn huyết sanh tinh mà phục lại chân âm đang thiếu. Nên dùng lúa gạo là vị ngọt làm gốc, còn vị chua cay đắng



mặt thời không nên dùng, nếu ngoài phép đó không còn phép nào hơn nữa, xét thang Chích-Cam-Thảo cũng là thang này hóa làm nhuận tễ, bài Thanh-Tảo-Thang của Dụ-Thị cũng là thang này hóa làm lương tễ.

薯蕷丸風氣痺 (Thự-Dự Hoàn, phong khí nhĩ)
Thự-Dự Hườn, trị về phong khí.

Kim-Quĩ Thự-Dự-Hoàn chú rằng : « Trị các bịnh hư lao bất tức và phong khí bá bịnh. »

壺蟲丸乾血已 (Già-Trùng-Hoàn, càn huyết dĩ)
Già-Trùng Hoàn, trị huyết khô.

Kim-Quĩ Đại-Hoàng Già-Trùng-Hoàn chú rằng : « Trị các chứng thương về ngũ-lao và thương ở trong, huyết kiệt, hình thể gầy ốm. »

二神方能起死 (Nhị-Thần phương, năng khởi tử) Phương Nhị Thần, có thể chết mà sống lại.

Ông Dụ Gia-Ngôn nói rằng : « Phong khí không đi được (lưu-thông) thì hại tới chánh khí mà sanh trưởng không vinh (tốt) dùng Phương Thự-Dự Hườn làm yếu phương » ; Huyết khô không đi được thời ngăn huyết mới không đủ để tới ướt các nơi thì nên dùng Già-Trùng-Hườn làm thượng tễ.

Các thầy ngày nay năm mộng thấy hai phương này chưa ?.



BÀI THUỐC LOẠI HƯ-LAO

Qui Tỳ Thang. Phương này là phương thứ nhứt để bổ dưỡng. Trị ăn ít không ngủ được, thổ huyết, hạ huyết, hoặc vì thất-tinh thương, hoặc bị đại tiện-dương, di-tinh, đái-trọc và các chứng kinh-nguyệt không đều của phụ-nhơn.

炙	底	Chích-Kỳ	2 chỉ
人	參	Nhơn-Sâm	2 chỉ
白	朮	Bạch-Truật	2 chỉ
茯	神	Phục-Thần	2 chỉ
歸	身	Qui-Thân	2 chỉ
棗	仁	Táo-Nhơn (sao đen)	2 chỉ
龍	眼	Long-Nhãn-Nhục	2 chỉ
木	香	Mộc-Hương	5 phân
炙	草	Chích-Thảo	2 chỉ
遠	志	Viễn-Chí	2 chỉ

Sắc ba chén còn tám phân uống khi còn nóng. Ông Cao-Cổ-Phong bỏ Mộc-Hương gia Bạch-Thực 1 chỉ rưỡi dùng rất hay. Nếu ho hen gia Mạch-Đông 2 chỉ, Ngũ-Vị 7 phân ; uất-khí gia Bối-Màu 2 chỉ, Tỳ hư phát nhiệt gia Đơn-Bì, Chi-Tử.

Lục-Vị Địa-Hoàng Hườn. Chủ tráng-thủy, chế dương quang. Trị các chứng thổ-huyết, hạ-huyết, ho hen không ngủ được, nhức xương, di-tinh đái ra nước đục thuộc về âm hư.

熟	地	Thục-Địa	8 lượng
丹	皮	Đơn-Bì	3 lượng
山	茱	Sơn-Thù-Nhục	4 lượng
茯	苓	Phục-Linh	3 lượng



山藥 Son-Dược
宅左 Trạch-Tả

4 lượng
3 lượng

Tán nhuyễn gạo với mật ong làm hườn lớn bằng hột ngô để khô, mỗi lần uống 3 chỉ với nước muối nhạt, mỗi ngày uống 2 lần gia thêm Ngũ-Vị-Tử gọi Đô-Khí-Hườn, gia Mạch-Đông gọi là Bát-Tiên-Trường-Thọ Hườn trị ho hen. Bài này bỏ lượng bớt lại dùng chỉ sắc uống gọi là Lục-Vị Địa-Hoàng thang.

Bát-Vị Địa-Hoàng Hườn. Làm tăng hỏa ở lò, lại tiêu âm ế. Trị lưng gối yếu, ăn uống không ngon, thũng, trướng, sán, hà dương nuy di-tinh, đái-trọc (trọc) thuộc về chứng hư nguyên-dương, tức là bài Lục-Vị-Hoàn gia Phụ-Tử, Nhục-Quế.

Bài này bớt vị Phụ-Tử gia Ngũ-Vị-Tử gọi là gia giảm Bát-Vị-Hoàn, trị khát nước không ngọt. Bài này gia Ngưu-Tất, Xa-Tiền-Tử gọi là Tể-Sanh-Thận-Khí-Hườn, trị thủy-thũng suyễn súc. Phương này bớt lượng làm chỉ sắc uống gọi Bát-Vị-Thang.

Tiêu - Kiến - Trung Thang. Ôn trung tán hàn. Phương này trị hư lao hay nhứt, nhưng người đời này không nói tới rất lâu. Phàm bệnh hư lao có chứng hừng nóng thì trong bài này có Khương, Phụ giúp tâm dương, cũng như thái-dương ra thời các lửa khác không sáng được ấy là phương-pháp thối nhiệt. Phàm chứng lao, ăn uống càng ngày càng ít, phương này làm cho ôn tỳ ăn uống được nhiều. Còn những chứng lao tất có ho, thì phương này bỏ thỏ sanh kim là phép trị ho ; phàm chứng lao thuộc thận hư phương này bỏ tỳ để góp tinh về thận, tức là ngũ-cốc sanh ra tinh.



Người đời không đọc sách của đức Trọng-Cảnh lại khinh lờn phép thánh, chỉ biết dùng Sanh-Mạch, Lục-Vị, Bát-Vị, Qui-Tỳ, Bồ-Trung và những vị Khoản-Đông-Hoa, Bối-Mẫu, Ngọc-Trúc, Bá-Hiệp, Địa-Hoàng.

Cho nên người ta uống đến chết thật là căm giận.

生	白芍	Sanh-Bạch-Thược	3 chỉ
桂	枝	Quế-Chi	1 chỉ 5
炙	草	Chích-Thảo	1 chỉ

Gia thêm 3 lát gừng, Đại-Táo 2 trái.

Sắc 2 chén còn 8 phân, trộn với 3 chỉ 5 di-đường (mạch-nha) mà uống.

Bài trên thêm Huỳnh-Kỳ 2 chỉ gọi là Huỳnh-Kỳ Kiến-Trung thang : trị các chứng hư lao, bất-túc, đầy hơi bót Táo gia Phục-linh 2 chỉ, nếu khí-ngịch gia Bán-Hạ 1 chỉ 5 phân.

Bài này nên dùng các vị Nhơn-Sâm, Đương-Qui, Bạch-Truật, nên tỳ mà gia giảm.

Kim-Quĩ Chích-Thảo Thang. Trị hư lao, phế yếu, phế táo, yết-hầu đau, mạch đi đại, các chứng ấy.

生	地	Sanh-Địa	4 chỉ
人	參	Nhơn-Sâm	1 chỉ
桂	枝	Quế-Chi	1 chỉ
炙	草	Chích-Thảo	2 chỉ
阿	膠	A-Giao	1 chỉ
棗	仁	Táo-Nhơn	1 chỉ 5
麥	冬	Mạch-Đông	2 chỉ
生	羌	Sanh-Khương	1 chỉ



大 棗 Đại-Táo

2 trái.

Sắc 2 chén nước còn 8 phân uống với nửa chén rượu.

Dụ-Gia-Ngôn Thanh Táo Cứu Phế Thang. Trị táo.khí uất mà thành lao.

桑 葉	Tang-Diệp	3 chỉ
甘 草	Cam-Thảo	1 chỉ 5
人 參	Nhân-Sâm	1 chỉ
麥 冬	Mạch-Đông	1 chỉ
石 膏	Thạch-Cao	2 chỉ 3
把 葉	Tỳ Bà-Diệp	1 chỉ 3
杏 仁	Hạnh-Nhon	1 chỉ 2
黑 之 麻	Hắc-Chi-Ma (sao)	1 chỉ 5

Sắc 2 chén còn 8 phân uống nóng, đàm nhiều gia 3 chỉ Bối-Mẫu.

Kim-Quy Thự-Dự Hườn. Trị hư lao, bất túc, phong khí, bé bệnh.

當 歸	Đương-Quy	10 phân
人 參	Nhôn-Sâm	7 phân
麥 冬	Mạch-Đông	1 phân
桂 枝	Quế-Chi	10 phân
神 曲	Thần-Khúc	10 phân
干 地 黃	Càn-Địa-Hoàng	10 phân
柴 胡	Sài-Hồ	5 phân
豆 黃 卷	Đậu-Huỳnh Quyên	10 phân
甘 草	Cam-Thảo	28 phân
茯 苓	Phục-Linh	7 phân
芍 藥	Thược-Dược	6 phân



阿膠	A-Giao	7 phân
芎藭	Khung-Cùng	6 phân
薯蕷	Thự-Dự	30 phân
白朮	Fạch-Truật	6 phân
赤仁	Hạnh-Nhon	6 phân
防風	Phòng-Pl oag	6 phân
吉更	Kiết-Cánh	5 phân
干羌	Càn-Khương	3 phân
白欒	Bạch-Liễm	2 phân
大棗	Đại-Táo	100 trái

Các vị trên tán nhuyễn hòa mật làm hườn như viên đạn.

Uống khi bụng đói với rượu 1 hườn cứ 100 hườn là một tề.

Kim. Qui Đại-Hoàng Chạ Trùng Hoàn. Hườn trung bổ hư. Trị ngũ-lao hư cực, người gầy, bụng đầy, ăn uống không được. Thực-thương, lao thương, Ưu-thương, phong thất thương, cơ thương, kinh-lạc vinh vệ thương, bên trong cơ huyết khô, da thịt nhăn, mắt mờ đen.

大黃	Đại-Hoàng	10 phân
黃芩	Huỳnh-Cầm	2 lượng
甘草	Cam-Thảo	3 lượng
杏仁	Hạnh-Nhon	1 thăng
桃仁	Đào-Nhon	1 thăng
芍藥	Thược-Dược	4 lượng



干地黄	Càn Địa-Hoàng	10 lượng
蟲蟲	Mang-Trùng	1 thăng
水蛭	Thủy-Điệt	100 con
蠟糟	Tê-Tao	1 thăng
麩蟲	Chạ-Trùng	1/2 thăng
干漆	Càn-Tất	1 lượng

Các vị trên tán nhuyễn lấy mật làm huôn bằng hột đậu uống với rượu mỗi lần năm huôn, mỗi ngày uống 3 lần.

ĐẠI-LÝ TOÀN LÃNH THỎ
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Hàng GUILLEMINOT là thứ sản-phẩm hảo hạn như là : PHIM, GIẤY SOIE, GIẤY LÁNG và thuốc vô hộp, có giá đặc biệt dành riêng cho nhà nghề, và bán sỉ đi khắp nơi.

LƯU Ý quý bạn dùng hàng GUILLEMINOT sẽ đem lại cho quý bạn mỗi lợi là : rẻ và tốt hơn những loại hàng khác hiện thời.

Vậy quý bạn nên hỏi tại hãng nhập-cảng

STUDIO - HOLLYWOOD

69B, đường Tự-Do — SAIGON.



CHƯƠNG IV

咳嗽

CHỨNG HO (Khái-Thấu)

氣上滄咳嗽生 (Khí thượng thương, khái thấu sinh) Khí đưa lên, thành ra ho.

Nội-Kinh nói rằng : » Ngũ-Tạng, lục-phủ đều khiến cho người ta ho, chớ không riêng ở phổi, nhưng phế là chỗ của khí, các khí dơ ở tạng phủ đều đưa lên phế, mà sanh ra ho. » Nói tóm lại : ho không chỉ ở phế mà cũng không là khỏi phế được.

肺最重胃非輕 (Phế tối trọng, vị phi khinh) Phổi rất trọng, mà vị cũng dưng khinh.

Nội-Kinh tuy không phân ra các chứng ho ở ngũ-tạng nhưng rất trọng ở sáu chữ : tụ ở vị, quan ở phế (tụ ở vị, quan ở phế) bởi vì những khí của thủy-cốc ở trong vị không hóa thành hơi để xông lên phế, mà lại chuyển qua các tạng mà chứa ở trong vị rồi theo hơi nóng hóa ra đàm, theo hơi lạnh mà hóa ra nước. Trong vị đã bị đàm ẩm trệ lại thì cái hơi đưa lên phế không được trong sạch mà sanh ra chứng ho.

肺如鐘撞則鳴 (Phế như chung, chàng tác minh) Phổi như cái chuông, gõ thì kêu.

Phổi là tinh hoa của tạng phủ, khi thở ra thì nó hư (teo vò) khi hít vào thì nó phình ra. Phổi chỉ chứa được cái chánh-



khí chớ không chịu được khách khí ở bên ngoài đưa vào. Khách-khí đã can vào phổi làm phổi ngứa (lở) mà sanh ra ho. Phổi chỉ ưa cái khí trong của tạng phủ mà không ưa khí bịnh của tạng phủ ? nếu khí bịnh can vào nó sẽ lở mà làm ho. Phổi thể chất vốn thuộc kim, ví như cái chuông, tức có mặt trong mặt ngoài, cổ gõ vào nó mới kêu.

風寒入外撞鳴 (Phong-hàn nhập, ngoại chàng minh) Gió lạnh lọt vào, tức là ở ngoài gõ kêu.

Nội-Kinh nói rằng : “ khí hơi lạnh là hơi ho. » Nên thấy ho hen phần nhiều do ở phong-hàn, gió theo da lông mà vào phổi, lạnh theo xương sống mà vào phổi đều chủ về bên ngoài. Về sau chép tuy nói là nhiệt, thấp, táo, lịnh không hành được, nhưng cũng bởi phong-hàn mà làm ra.

癆損積內撞鳴 (Lao tổn tích, nội chàng minh) Lao tổn tích, là ở trong gõ kêu.

Lao thương thành ra ho là chủ ở trong, nếu hai chứng ấy không trị thì sanh ra ho tất tiếng thể là như chuông bề đánh không kêu.

誰治外六安行 (Thùy trị ngoại, Lục-An hành) Lấy gì trị ở ngoài ? có thang Lục-An.

Thang Lục-An Tiên tuy không có thâm nghĩa cũng khá được. Nhưng chứng ho về ngoại cảm nên rõ là phong-nhiệt hay phong-táo hai chứng ấy. Như mùa đông bị thương (tà phạm) về hơi ẩm lại thêm gió lạnh bên ngoài sập vào sanh ra chứng ho đàm kết, yết-hầu sưng, mình nặng, tự ra mồ-hôi, mạch phù ấy là phong-nhiệt, nên dùng Uy-Nhụy-Thang là phương tân nhuận, chớ dùng thứ tân nhiệt phát tán thành ra chứng phong táo khó trị, bởi vì táo là khí lịnh của mùa thu không hành được, tất phải mượn phong hàn mới bùng lên thành ho.



Nội-Kinh chỉ nói mùa thu thương về thấp là sao ?
Đáp : là vì mùa hạ bị khí thấp thổ nung nấu tới thu lệnh
thâu góp lại mà núp ở trong phế và vị đợi cuối thu táo lệnh
mới hành cùng với thấp không dung nhau, tới mùa đông mới
làm ra ho. Chứng này có cả phế táo, vị thấp hai thể khó
mà giải được. Duy có thang Thiên Kim Mạch Môn và
Ngũ-Vị-Tử là hay hơn hết. Người sau không phân liễm
tán rồi lẫn lộn về táo nhuận thật là mờ quá.

誰治內虛癆瘵 (Thùy trị nội, Hư lao trình)
Lấy gì trị ở trong, có môn hư lao.

Nên lựa những phương đối chứng ở môn hư lao mà
trị, xét kỹ ra cần phải phòng lao, như bị thương tinh thì
phải bổ tinh, nếu lo nghĩ làm thương tý thì phải dưỡng
thần.

扶水氣小龍平 (Hiệp thủy khí, tiểu long
bình) Có thủy-khí, uống thang Tiểu-Long.

Ông Kha-Vận-Bá trị ho không k ề mùa hạ, mùa đông,
bất cứ nặng nhẹ. Duy chỉ thấy hàn khái thì dùng Tiểu-
Thanh-Long thang là công hiệu lắm. Phương ấy có mục
đích khu-phong tán lạnh, giải cơ, trục-thủy, lợi phế, ẩm
thận, trừ đàm, ngưng suyễn, giữ bên ngoài an bên trong, đủ
cả màu-nhiệm. Bởi vì trong phổi bị lạnh, nếu không có
vị Ma-Hoàng đại tống thì làm sao mà xung (xua) vào sào
huyết, còn các vị thuốc khác thời không thể hiệu nghiệm
được.

兼鬱火小柴清 (Kiềm uất hỏa, tiểu sài
thanh) Bị hỏa uất uống thang tiểu sài.

Ho mà khi lạnh, khi nóng thì bỏ Nhơn Sâm, Đại-Táo,
Sanh-Khương. Gia Ngũ-Vị, Càn-Khương mà trị.



羌細味一齊烹 (Khương, Tế, Vị, nhưt
tè phanh) Khương, Tế, Vị đều cho uống.

Kim-Quĩ trị đàm ảm không ngoài Tiêu-Thanh-Long
gia giảm. Trong phương ấy các vị đều có thể bỏ được, duy
có Tế-Tân, Càn-Khương, Ngũ-Vị ba vị này không nên
coi thường mà bỏ đi. Nếu mặt đỏ như người say rượu thì
gia Đại Hoàng cho thanh nhiệt và gia Thạch-Cao, Hạnh-
Nhon các loại ấy nhưng cũng không thể bỏ ba vị ấy được.
Học giả nên ghi nhớ như vậy. Ông Từ-Trung-Khả biện
chứ Kim-Quĩ có luận rõ điều ấy.

長沙法細而精 (Trương-Sa pháp, tế nhi
tinh) Phép của ông Trương-Sa rất tinh tế,

Phép trị khái-thấu đàm ảm nên đọc kỹ trong bộ Kim-
Quĩ.



BÀI THUỐC LOẠI KHAI-THẤU

Lục-An Tiền. (Cảnh-Nhạc) Trị ho thuộc về ngoại-cảm.

半夏	Bán-Hạ	2 chỉ
陳皮	Trần-Bì	1 chỉ 5
茯苓	Phục-Linh	2 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ
杏仁	Hạnh-Nhon	2 chỉ
白芥子	Bạch-Giới-Tử	1 chỉ
生羌	Gừng sống	4 lát.

Sắc 3 chén còn 8 phân uống, nếu lạnh nhiều gia Tế-Tâm 7 phân.

Tiêu Thanh-Long Thang. Trị các chứng ho, Phương này thấy trong bộ Thương-Hãn, bài này tùy hàn, nhiệt, hư, thực, mà gia giảm. Duy có Tế-Tân, Càng-Khương, Ngũ-Vị không được bỏ đi.

干羌	Càng-Khương	2 chỉ
麻黄	Ma-Hoàng	2 chỉ
芍藥	Thược-Dược (sao)	2 chỉ
五味子	Ngũ-Vị-Tử	2 chỉ
桂枝	Quế-Chí	2 chỉ
半夏	Bán-Hạ	1 chỉ 5
細辛	Tế-Tân	2 chỉ
炙草	Chích-Thảo	2 chỉ

Sắc ba chén còn 8 phân uống làm hai lần lúc còn nóng.

Gia Giảm Tiêu Sài-Hồ Thang. Trị ho phát nhiệt.

柴胡	Sài-Hồ	4 chỉ
黄芩	Hoàng-Cầm	1 chỉ 5



半夏	Bán-Hạ	2 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ 5
干羌	Càn Khương	1 chỉ
五味	Ngũ-Vị	8 phân

Sắc hai chén còn 8 phân uống ấm mỗi ngày uống 2 lần.

Ngũ-Vị-Tử Thang. (Thiên-Kim) Trị táo thương sanh ho, khạc nhổ có máu, ngực sườn đau, da thịt khô khan,

五味子	Ngũ-Vị-Tử	5 phân
吉更	Kiệt-Cánh	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ
紫苑	Tử-Uyển	1 chỉ
續斷	Tục-Đoạn	1 chỉ
竹茹	Trúc-Nhự	1 chỉ
桑根皮	Tang-Căn-Bì	1 chỉ
生地黃	Sanh-Địa-Hoàng	1 chỉ
赤小豆	Xích-Tiểu-Đậu	30 hạt.

Sắc 3 chén còn 8 phân uống lúc bụng đói.

Mạch-Môn-Đông Thang. (Thiên-Kim) Trị bệnh lâu ngày sau có hỏa nhiệt phạm vào phổi khạt nhổ ra có lẫn máu, trên ngực đầy hơi đưa lên gây yếu ngũ-tâm phiền nhiệt khát nước mà tiện bí,

麥門	Mạch-Môn (bỏ tâm)	2 chỉ
吉更	Kiệt-Cánh	1 chỉ
桑根皮	Tang-Căn-Bì	1 chỉ
半夏	Bán-Hạ	1 chỉ



生	地黄	Sanh-Địa-Huỳnh	1 chỉ
	紫菀	Tử-Uyên	1 chỉ
	竹茹	Trúc-Nhự	1 chỉ
	麻黄	Ma-Hoàng	7 phân
	炙草	Chích-Thảo	1 chỉ
五	味子	Ngũ-Vị-Tử	10 hột
	生羌	gia thêm Gừng-Sống	3 lát

Sắc ba chén còn 8 phân uống lúc bụng đói.



THUỐC CAM HÀNG BẠC

HÀ NỘI

Môn thuốc gia truyền rất thần hiệu
nổi tiếng khắp nơi, chuyên trị các
chứng bệnh của trẻ em, có công dụng
tống các thứ sán lãi và chất độc ra
ngoài, làm cho trẻ em mập mạp, vui
vẻ, da thịt hồng hào, ăn ngon ngủ
khỏe, hết mồ hôi trộm, tiêu sạch cam
sài. Hiện nay ở tại:

Tổng cục 447^B đường HAI BÀ
TRUNG (Tân-định) Saigon.

Đại Lý 5 C đường Phước-Hải
Nha Trang

91c đường Phan-bội-Châu Qui nhơn
35 đại lộ Hùng vương Đà-nẵng



CHƯƠNG V

瘧疾

NGƯỢC - TẬT (rét)

瘧為病屬少陽 (Ngược vi bệnh, thuộc thiếu-dương) Bệnh ngược (rét), thuộc kinh Thiếu-Dương.

Kinh Thiếu-Dương ở nửa trong nửa ngoài, tà ở giữa khoang ấy, trở vô cùng âm tranh là lạnh, trở ra cùng với dương tranh là nóng. Nếu tranh thì bệnh lên cơn, nghỉ thì bệnh ngừng, sau khi ngừng tà dần ở trong kinh Thiếu-dương.

寒與熱若迴翔 (Hàn giữ nhiệt, nhược hồi tương) Lạnh với nóng, cứ quần quanh.

Lạnh với nóng cứ đúng kỳ mà tới.

日一發亦無傷 (Nhật nhứt phát, diệt vô thương) Ngày một lần phát cử là tà còn ở bên ngoài, hai ngày một lần cử là tà đã vào trong.

三日作數猖狂 (Tam nhật tác, thể xướng cường) Ba bữa một lần cử (cơn rét) bệnh tình nặng.

Ba ngày một lần cử, các thời Y gọi là rét ở tam-âm thì giầy dưa khó khỏi bệnh.

治之法小柴方 (Trị chi pháp, Tiểu-Sài phương) Phép trị chỉ có phương Sài-Hồ.

Lấy phương Tiểu-Sài-Hồ làm chủ trị, lịnh mới khỏi



tục thường ky Nhơn Sâm, cứ theo tục thường ấy mà bỏ Nhơn-Sâm, gia Thanh-Bì 1 chỉ.

熱偏盛加清涼 (Nhiệt thiên thịnh, gia thanh lương) Riêng nóng nhiều, gia vị mát.

Thang Tiêu-Sài-Hồ gia những vị Tri-Mẫu, Hoa-Phấn, Thạch-Cao, Huỳnh-Liên, tùy ý lựa chọn mà dùng.

寒偏重加桂羌 (Hàn thiên trọng, gia Quế Khương) Riêng về lạnh nhiều, gia vị Quế, Khương.

Tiêu-Sài-Hồ thang gia Càn-Khương, Quế-Chi, nếu lạnh nhiều gia Phụ-Tử, Nhục-Quế.

邪氣盛去參良 (Tà khí thịnh, khử sâm lương) Tà khí thịnh, bỏ Nhơn-Sâm.

Mình nóng dùng Tiêu-Sài-Hồ thang bỏ Nhơn-Sâm gia 2 chỉ Quế-Chi, sau khi uống nên ăn cháo nóng, đắp mền cho ra mồ-hôi.

常山入力倍強 (Thường - Sơn nhập, lực bội cường) Cho vị Thường Sơn vào, sức càng mạnh.

Tiêu-Sài-Hồ thang gia 2 chỉ Thường Sơn. Người ta thường cho rằng tà chưa im, không thể dùng vị Thường-Sơn dứt tà, nhưng không biết vị Thường-Sơn là thứ thuốc triệt tà mà lại đuổi tà ra ngoài. Ông Trọng-Cảnh dùng nó mạo danh là vị Thục-Tất.

大虛者獨參湯 (Đại hư giả, Độc-Sâm thang) Bệnh đại hư, uống thang Độc-Sâm.

Người hư vì chứng ngược lâu ngày không khỏi, nên dùng Nhơn-Sâm một lượng, Sanh-Khương 5 chỉ sắc uống vào lúc canh năm rất hay, nếu người nghèo dùng Bạch-Truật 2 lượng mà thế, nếu người nóng nhiều lấy Đương-Qui mà thế vào.



單寒壯理中匡 (Đơn hàn mầu, Lý - Trung
khuông) Bệnh lạnh nhiều, uống thang Lý-Trung.

Chỉ lạnh mà không có nóng gọi là Đơn-Ngược, nên
dùng thang Phụ-Tử Lý-Trung gia Sài-Hồ mà trị.

單熱痺白虎詳 (Đơn nhiệt đạn, Bạch - Hồ
trường) Bệnh nóng nhiều, uống thang Bạch-Hồ.

Chỉ nóng mà không lạnh gọi là đạn-ngược hoặc trước
nóng sau lạnh gọi là nhiệt-ngược, nên lấy thang Bạch-Hồ gia
Quế-Chi mà trị. Các thời Y lấy thang Lục-Vị gia Sài-Hồ,
Thược-Dược mà trị.

法外法辨微茫 (Pháp ngoại pháp, biện vi
mang) Ngoài phép trị, phải biện cho rõ.

Các nhà Y tiền bối đã lập thành phép đề trị bệnh,
nhưng còn có cách ngoài phép trị, phải biện cho rõ mà trị.

消陰翳制陽光 (Tiêu âm ế, chế dương quang)
Tiêu âm mù chế dương sáng.

Nóng mà không nóng tức không có lửa, vậy phải làm
cho thêm hỏa đề tiêu âm mù. Lạnh mà không lạnh là không
có nước, vậy nên làm tráng chân thủy đầy đủ để chế
dương sáng.

太僕註慎勿忘 (Thái-Bộc chú, thận vật vong)
Lời chú của ông Thái-Bộc, ghi nhớ đừng quên.

Phép tiêu âm, chế dương của ông Vương - Thái - Bộc
ngàn đời không thay đổi được. Ông Triệu-Dưỡng-Quy theo
đó lấy Bát-Vị Địa-Hoàng để ích chân hỏa, Lục-Vị-Hoàn
để tráng chân thủy, nếu bị chứng ngược lâu cứ theo những
phương này phần nhiều thu công.



BÀI THUỐC LOẠI NGƯỢC-TẬT (RÉT)

Tiêu Sài-Hồ Thang. Chuyên trị bệnh rét (ngược-tật).

柴胡	Sài-Hồ	4 chỉ
半夏	Bán-Hạ	2 chỉ
人參	Nhơn-Sâm	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ 5
黃芩	Hoàng-Cầm	1 chỉ
大棗	Đại-Táo	3 trái
生薑	Gừng	3 lát.



1933 - 1958

25 NĂM DANH TIẾNG

Nhà thuốc Vô-Văn-Vân ra đời suốt 25 năm trời được sự tín nhiệm của Đồng Bào trong nước và hải ngoại là nhờ sự linh nghiệm của các thứ Cao Đơn Hoàn Tán do Ông Y-Học-Sĩ Vô-Văn-Vân Thudaumot, là một vị lương-y khắp Việt-Nam và hải ngoại đều biết tiếng, khảo cứu nhiều năm chế ra, nhưt là :

BÁ ĐÃ SƠN QUÂN TÁN

thuốc trị bệnh tử cung, bạch đới, đau trắng dạ dưới, đau thắt ngang lưng, có nhiều bạch đới, hiệu nghiệm phi thường.

TAM TINH HẠI CẦU BỒ

THẬN HOÀN, { trị Mộng - Tinh, Di -
Tinh, và Huyết-Tinh,
đau lưng nhức mỏi, ai dùng rồi cũng khen tặng.

HI DI NINH THẦN HOÀN,
trị đau tim, trăn, trọc không ngủ, ăn mất ngon,
công hiệu như thần.

Và còn hơn 50 thứ thuốc khác đều công hiệu, (xin hỏi sách thuốc nơi bốn đường).

Nhà thuốc *VÔ-VĂN-VÂN THUDAUMOT*
Trụ sở chánh : 201-211, Đại lộ Nguyễn-thái-Học
→ SAIGON ←



CHƯƠNG VI

病 痢

BỆNH LỢI

濕熱傷赤白痢 (Thấp nhiệt thương, xích bạch lợi) Bị thương về thấp nhiệt, sanh ra chứng lợi đỏ và trắng.

Ông Vương-Nhân-Am luận chứng lợi chuyên chủ về thấp nhiệt sanh ra các chứng mắc đi tiêu mà tâu không ra, bụng đau muốn tiện mà không tiện, bưng nhùng dơ bần hoặc trắng, hoặc đỏ, hoặc đỏ trắng lẫn lộn.

熱勝濕赤痢瀉 (Nhiệt thắng thấp, xích lợi tỵ) Nhiệt nhiều hơn thấp, đi lợi đỏ.

Vị là cái bề chứa nhiều khí, nhiều huyết. Nhiệt là dương-tà, nếu nhiệt thắng thấp, thời thương huyết phạm ở trong vị làm ra xích lợi.

濕勝熱白痢墜 (Thấp thắng nhiệt, bạch lợi trụy) Thấp nhiều hơn nhiệt, đi lợi trắng.

Thấp là âm-tà, thấp mà thắng hơn nhiệt thời làm thương phạm ở trong vị thành bạch, nếu trắng đỏ lẫn lộn là thương cả khí huyết.

調行箴須切記 (Điều hành châm, tu thiết ký) Phép điều hành, phải nhớ kỹ.

Hành huyết thời hết máu bưng nhùng, điều khí hết dơ bần.



芍藥湯熱盛餌 (Thược-Dược thang, nhiệt thành nhĩ). Thang Thược-Dược điều khí hành huyết. Tuy rằng phương thuốc chữa bình-ly mới phát, nhưng xét kỹ ra phương ấy nên dùng để chữa về chứng ly nhiệt.

平胃加寒濕試 (Bình vị gia, hàn thấp thí)
Thang Bình-Vị, trị bình ly hàn thấp.

Như hàn-thấp mà sinh ra bình ly, khi mới phát nên dùng Bình-Vị-Tán gia Càn-Khương, Trạch-Tả, Trư-Linh, Mộc-Hương mà trị, nếu bình đã lâu không khỏi nên dùng Hương-Liên-Hoàn.

熱不休死不治 (Nhiệt bất hưu, tử bất trị)
Nóng không dứt thì chết không trị được.

Trong phương thơ nói rằng : « Chứng ly mà phát nóng liên miên không ngừng thời không trị được.

痢門方皆所忌 (Ly môn phương, giai sở kỵ)
Phương trị ly, đều có kỵ.

Phạm chứng ly mới khỏi mà phát nhiệt, nếu không phải ở ngoài có tà tức là kinh-lạc không hòa, nên ôn tán điều hòa vinh vệ. Ngoại tà đã giải bình ly cũng hết, nếu cứ cho là nhiệt mà trị theo những phương sáo bình ly. Như vậy phần nhiều đưa tới nguy kịch là khác.

桂葛投鼓邪出 (Quế Cát đầu, Cồ tà xuất)
Cho uống thang Quế-Cát, đuổi tà ra.

Các thời Y rất sợ phát hãn cho là không có ngoại chứng nên không dám phát hãn (hạn). Nếu nhưc đầu phát nóng sợ lạnh có mồ hôi nên dùng thang Quế-Chi, nếu mồ-hôi không có nên dùng thang Cát-Cần để đuổi tà ra ngoài rồi sau mới trị bình ly.



外疏通內暢遂 (Ngoại sơ thông, nội sướng
toại) Sơ thông ở ngoài. khoan khoái ở trong.

Hai câu ấy giải rõ cái cơ phải phát hạn. Ông Trương-Phi-Trù nói rằng : «Thang Đương-Quy Tứ-Nghịch trị bệnh lý rất hay. » Nếu phát nóng mà ới dùng thang Tiểu-Sài-Hồ, thang Cát-Căn, Hoàng-Liên, Hoàng-Cầm, Cam-Thảo thang. Nếu miệng khát khó ỉa dùng thang Bạch-Đâu-Ong kiến hiệu như thần,

嘉言書獨得秘 (Gia - Ngôn thư, độc đắc bí)
Sách của ông Gia Ngôn, luận rất kỹ.

Trong bộ Y-Môn-Pháp-Tân của ông Dụ-Gia-Ngôn nghị luận rất sâu xa chu đáo,

寓意存補金匱 (Ngụ ý tồn, Bồ Kim - Qui)
Trong thảo ngụ ý bổ vào bộ Kim-Quy.

Trong thảo của ông Dụ-Gia-Ngôn như thang Ma-Hoàng, Phụ-Tử, Tế-Tân và thang Nhơn-Sâm Bại-Độc tán là đề bổ vào bộ Kim-Quy chưa nói tới.



BÀI THUỐC LÝ CHỨNG

Thuộc Dược Thang. Trị bệnh lý đặc biệt, hành huyết thời khởi, nùng huyết thời hậu trọng hết, uống luôn thang này khi mới phát trong ba ngày đầu.

白芍	Bạch-Thược	1 chỉ 5
當歸	Đương-Quy	1 chỉ 5
黃連	Huỳnh-Liên	1 chỉ 5
黃芩	Huỳnh-Cầm	1 chỉ 2
桂	Quế	4 phân
兵良	Bình-Lang	1 chỉ
木香	Mộc-Hương	6 phân
甘草	Cam-Thảo	4 phân
厚朴	Hậu-Phác (chích)	1 chỉ 5
只壳	Chỉ-Xác	1 chỉ
大黃	Đại-Hoàng	1 chỉ (người hư không nên dùng)
青皮	Thanh-Bì	5 phân

Sắc 2 chén nước còn 8 phân để ấm uống. Nếu tiện không thông gia thêm Huyết-Thạch, Trạch-Tả. Nếu hồng lý già Xuyên-Khủng, Đào-Nhon.

Nhon-sâm bại độc tán. Ông Dụ-Gia-Ngôn rất trọng phương này, nghĩa là cho ra mồ-hôi một chút thì dương khí lên, mà hãm cũng lên, phép này thời Y không rõ. Cụ Trần-Tu-Viên mỗi lần dùng đến phương này gia Trâm



Bổ Sấm, tr'Ly?

— 65 —

Thương-Mê 4 chỉ, hoặc gia Hoàng-Cầm, Hoàng-Liên,
rất là công hiệu.

獨活	Độc-Hoạt	1 chỉ
羌活	Khương-Huật	1 chỉ
吉更	Kiết-Cánh	1 chỉ
前胡	Tiền-Hồ	1 chỉ
柴胡	Sài-Hồ	1 chỉ
川芎	Xuyên-Khung	1 chỉ
只壳	Chỉ-Xác	1 chỉ
茯苓	Phục-Linh	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	5 phân
生羌	Gừng Sống	3 lát

Sắc hai chén còn 7 phân uống.

(Không thấy 'Ti. Du. Sấm?')



CHƯƠNG VII

心腹痛

TÂM PHÚC THÔNG HUNG TÝ (đau bụng)

心胃疼有九種 (Tâm vị đồng, hữu cửu chủng)
Đau tâm vị, có chín thứ.

Thật chứng tâm thống (đau tâm) không thể trị được ngày nay người ta nói rằng : « Chứng đau tim là tâm-bào-, lạc và vị yên (quản) đau » Cộng tất cả có chín thứ đau, nên phân ra cho rõ ràng.

辨虛實明輕重 (Biện hư thực, minh khinh trọng) Chia ra hư hay thực, rõ được nặng nhẹ.

Hư là lấy tay dè không đau, ăn thì hết đau, mạch vô lực. Thực lấy tay dè thấy đau, ăn vào càng đau thêm, mạch hữu lực. Hai chứng đều có nặng nhẹ.

痛不通氣血壅 (Thống bất thông, khí huyết ủng) Đau không thông, khí huyết tắc.

Đau thì không thông, tức là khí huyết ủng trệ.

通不痛調和奉 (Thông bất thống, điều hòa phụng) Thông thì không đau, phải nên điều hòa.



Thông thì không đau, thế là khí huyết điều hòa, ông Cao-Sĩ Tôn nói rằng : Các phương-pháp làm cho thông đều khác nhau. Như điều khí để hòa huyết, hoặc điều huyết để hòa khí, tức là thông vậy. Nếu nghịch khí lên làm cho hạ xuống, kết ở giữa phải làm cho tản ra cũng là thông. Nhưng hư phải bổ mà làm cho thông, hàn phải cho ấm nóng để cho thông, ấy cũng là phép vận chuyển cho thông, nếu chỉ lấy phép hạ cho đi ỉa làm thông thì lầm lẫn.

一 蟲痛烏梅圓 (Nhứt trùng thống, Ô - Mai Viên) Một là trùng thống, cho hống Ô-Mai-Hưôn.

Trùng-thống là khí đau khi hết, trên môi lưỡi có những đốm trắng, ăn vào càng đau thêm. Trùng là quyết (khuyết) âm phong mộc hóa ra nên dùng Ô-Mai-Hưôn.

二 注痛蘇合研 (Nhị chú thống, Tô - Hiệp nghiê) Hai là chú thống, cho uống Tô-Hiệp-Hưôn.

Khi đi vô rừng núi, miếu xưa thấy những vật phi thường. Mạch lúc lớn lúc nhỏ, mạch hai tay như mạch hai người, nên dùng Tô-Hiệp-Hưôn cho uống.

三 氣痛香蘇專 (Tam khí thống, Hương-Tô chuyên) Ba là khí-thống, cho uống thang Hương-Tô

Do những cuộc giận dữ và khí của thất-tình (hỉ, nộ, ai ố, dục : mừng, giận buồn, vui, thương, ghét, ham mê) sanh đau nên dùng bài Hương-Tô-Ấm gia Ngươn-Hồ-Xách 2 chỉ hoặc dùng thang Thất-Khí cũng diệu, hay là dùng Bá-Hiệp 1 lượng, Ô-Dược 3 chỉ sắc uống.

四 血痛失笑先 (Tứ huyết thống, Thất - Tiểu tiên) Bốn là huyết thống, cho uống thang Thất-Tiểu,



Bi ứ huyết làm ra đau, đau như dao cắt, hoặc có tích thành hòn. Mạch sắc, đại tiện phần đen, nên dùng thang Đào-Nhơn Thừa-Khí hay Thất-Tiểu Tán cho uống.

五悸痛妙香詮 (Ngũ quý thống, Diệu-Hương thuyên) Năm là quý thống, cho uống thang Diệu-Hương.

Quý thống tức là hư thống, có khi đau khi không, dè không đau, ăn thì tạm bớt, mạch hư nhược nên dùng Diệu-Hương-Tán hoặc Lý-Trung Thang gia Nhục-Quế, Mộc-Hương mà trị.

六食痛平胃煎 (Lục-Thực thống, Bình-Vị tiên) Sáu là thực-thống, uống thang Bình-Vị.

Ăn tích mà đau ọi lên mùi chua, chứng đau này nổi lên một lần ở bụng nên dùng phương Bình-Vị Tán gia Sơn-Tra, Cốc-Nha mà trị. Nếu bị thương về uống rượu gia thêm Cát-Cạn 3 chỉ, Sa-Nhơn 1 chỉ.

Như mới bệnh phải thử, nếu bệnh lâu phải cho hạ là chánh pháp.

七飲痛二陳啞 (Thất âm thống, Nhị-Trần yên) Bảy là âm thống, uống thang Nhị-Trần.

Đờm nước đọng lại sanh đau, rồi ói ra nước trong hoặc dưới cách óc ách có nước, nên dùng Nhị-Trần thang gia Trạch-Tả, Bạch Truật làm chủ phương, nếu bệnh nặng dùng thang Thập-Tảo cũng có thể uống được.

八冷痛理中全 (Bát lãnh thông, Lý-Trung toàn) Tám là lãnh thống, uống thang Lý-Trung.

Mình mát lạnh mà đau, mạch nhỏ, miệng không đắng hôi, nên dùng thang Lý-Trung gia Phụ-Tử, Nhục-Quế làm chủ mà trị, nếu có ói mửa dùng thang Ngô-Thù-Du làm chủ trị.



九熱痛金鈴瘥 (Cửu nhiệt thống, Kim-Linh thuyên) Chín là nhiệt-thống, uống thang Kim-Linh.

Nhiệt thống thì mình nóng, mạch mau, trong miệng nóng nên dùng thang Kim-Linh-Tử Ngươn-Hồ-Sách mỗi vị 2 lượng tán nhuyễn uống với rượu chừng 2 chỉ gọi tên là Kim-Linh-Tử Tán uống rất công hiệu, nếu nóng nhiều dùng Huỳnh-Liên, Chi-Tử tán uống với nước gừng.

腹中痛照諸篇 (Phúc trung thống chiếu chư thiên) Trong bụng đau, coi các thiên trên.

Trên rún thuộc thái-âm, giữa rún thuộc thiếu-âm, dưới rún thuộc quyết-âm, hai bên sườn là nơi giao giới của thiếu-dương và quyết-âm, nên phân rõ chứng mà trị nhưng đại ý như ở trên.

金匱法可回天 (Kim-Quĩ pháp; khả hồi thiên) Phép trong Kim-Quĩ, có thể xoay trời được.

Những luận ở trong bộ Kim-Quĩ Yếu-Lược đều là chứng chết làm sống lại được.

諸方論要拳拳 (Chư phương luận, yếu quyền quyền) Luận của các phương phải chăm chỉ mà dùng thuốc.

Sách Trung-Dung nói rằng : « Tắc quyền quyền phục ung nhi phát thất chi hỉ. » nghĩa là : Phải chăm chỉ mà làm việc thì không sợ thất.

Đau về bụng đầy mà đi ỉa tức là hư, mửa và tả mà đau là bệnh thuộc về chứng Thái-âm, nên dùng thang Lý-Trung, trong bụng sôi ầm như sấm mà đau dữ, ỉa mửa ấy là khí hàn nên dùng thang Phụ-Tử Ngạnh-Mễ ấy tức là hạ lợi thì biết là hư chứng ; bụng đầy đau mà đại-tiện bễ ấy là thực chứng, hoặc vì tiện bễ mà đau không phát nóng. Nên dùng thang Hậu-Phác Tam-Vật để công ở trong nếu tiện bễ mà



đau lại thêm phát nóng thì dùng thang Hậu-Phác Thất-Vật đó là thông cả trong lẫn ngoài. Bế thông mà phát nóng đau suốt tới dưới sườn, mạch đi khần huyền thì cho thang Đại-Hoàng Phụ-Tử để vừa ôn vừa hạ, nếu thang ấy không dám cho uống thì lấy thang Đương-Quy Sanh-Khuong Nhục-Quế-Thang hay hơn, phải nên rõ như vậy.

又胸痺非偶然 (Hự hung tý, phi ngẫu nhiên).
Lại chứng hung tê, không phải là tình cờ.

Từ ngực và vai trở lên là thái-không của người, tôn-khí chứa ở để chớ không phải là sự tình cờ.

薤白酒妙轉旋 (Phỉ-Bạch Tửu, diệu chuyển toàn) Thang Phỉ-Bạch Tửu vẫn chuyển rất hay.

Thang Quát-Lâu Phỉ-Bạch Tửu hoặc gia Bán-Hạ hoặc gia Chỉ-Thiệt, hay thang Phỉ-Bạch Quế-Chi đều vẫn chuyển rất hay.

虛寒者建中填 (Hự hàn giả, Kiến-Trung điền)
Bệnh hư-hàn, uống thang Kiến-Trung.

Tâm hung lạnh quá mà đau, nôn ói không ăn uống được, đó là hàn-khí đưa lên, nên cho uống thang Đại-Kiểm-Trung. Hễ thượng, trung hai tiêu bị hàn-tà làm tê, lấy vị Sâm Khuong để cứu lấy Chân dương hợp với di đường (mạch nha) để gây trung-khí lại gia vị tiêu cho đưa xuống để đề cái khí đưa lên, phục lại chân dương ở hạ-tiêu đó là phương thuốc bổ.



BÀI THUỐC PHỨC THỐNG VÀ HƯNG TỶ

Ô-Mai Hườn trị trùng thống. Tô-Hiệp-Hương Hoàn
trị chú thống.

Hương-Tô Âm. Trị khí thống

香附	Hương-Phụ	2 chỉ
蘇合	Tô-Hiệp	3 chỉ
陳皮	Trần-Bì	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ
生羌	Gừng Sống	5 lát

Sắc 2 chén còn 8 phân uống. Nếu có tâm-thống gia 2
chỉ Ngươn-Hồ-Sách nửa bát rượu.

Thất-Khí Thang. (Cũng gọi là Tứ-Thất Thang)
(khai uất hóa đàm) Trị Thất-Tinh khí uất nghịch.

半夏	Bán-Hạ	3 chỉ
厚朴	Hậu Phác	3 chỉ
茯苓	Phục-Linh	3 chỉ
紫蘇葉	Tử-Tô-Diệp	1 chỉ
生羌	Gừng Sống	3 lát

Sắc 2 chén còn 8 phân uống.

Bách-Hiệp Thang. Trị tâm khâu lau.

百合	Bách-Hiệp	1 lượng
烏藥	Ô-Dược	3 chỉ

Sắc ba chén còn 8 phân uống.

Thất-Tiểu Tán. Trị các chứng vì huyết trệ làm đau.

五靈脂	Ngũ-Lĩnh-Chỉ (sao dấm)	1 lượng
蒲黃	Bồ-Hoàng	1 lượng

Cộng chung tán nhuyễn uống với dấm mỗi ngày hai
lần.



Đào-Nhơn Thừa-Khí Thang. Trị tâm phúc thống, đại tiện không thông người như cuồng.

桂枝	Quế-Chi	2 chỉ
桃仁	Đào-Nhơn	17 trái
大黃	Đại-Hoàng	4 chỉ
芒硝	Mang-Tiêu	7 phân
甘草	Cam-Thảo	7 phân

Sắc 3 chén còn 8 phân, rót nước ra xông bỏ Mang-Tiêu vào quây uống khi thuốc còn ấm.

Đơn-Sâm Âm. Trị các chứng đau bụng và chứng thuộc về đau máu.

丹參	Đơn-Sâm	1 lượng
白檀香	Bạch-Đàn-Hương	1 chỉ
沙仁	Sa-Nhơn	1 chỉ

Sắc hai chén còn 8 phân uống.

Diệu-Hương Tán.

山藥	Sơn-Dược	1 lượng
茯苓	Phục-Linh	1 lượng
茯神	Phục-Thần	1 lượng
龍骨	Lông-Cốt	1 lượng
遠志	Viễn-Chí	1 lượng
甘草	Cam-Thảo	1 lượng
木香	Mộc-Hương	3 chỉ
吉更	Kiết-Cánh	5 chỉ
射香	Xạ-Hương	1 chỉ
珠砂	Châu-Xa	2 chỉ

Cộng chung tán nhuyễn uống mỗi lần 3 chỉ với Liên-Tử-Thang.



Bình-Vị Tán. Trị ăn uống bị đình trệ (không tiêu tích đọng)

蒼朮	Thương-Truật	2 chỉ
厚朴	Hậu-Phác (sao)	2 chỉ
陳皮	Trần-Bì	2 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ
生羌	Gừng-Sống	5 lát.

Sắc 2 chén nước còn 8 phân uống. Nếu ăn thịt bị tích gia thêm Sơn-Tra, ăn mì bị tích gia thêm Mạch-Nha, Lai-Bạc-Tử, ăn cơm bị tích gia Cốc-Nha, uống rượu bị tích gia Cát-Căn, Sa-Nhon.

Nhị Trần Thang. Xem chương Trúng-Phong.

Thập Táo Thang. Trị chứng thủy ảm mà đau, phương này rất mạnh không nên dùng thường.

Lý-Trung Thang. Trị lạnh thống.

人參	Nhon-Sâm	1 chỉ
白朮	Bạch-Truật	3 chỉ
干羌	Càn-Cương	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ 5
生羌	Gừng Sống	3 lát.

Sắc 3 chén còn 8 phân uống.

Ngô Thù Du Thang. Trị lạnh thống, thông trị các chứng ăn cơm muốn ói, nhưc đầu như búa chẻ, buồn bực muốn chết và thổ không thôi.

吳茱萸	Ngô-Thù-Du	2 chỉ 5
人參	Nhon-Sâm	1 chỉ
大棗	Đại-Táo	5 trái
生羌	Sanh-Khương	5 chỉ



Sắc hai chén còn 8 phân uống lúc còn ấm.

Kim linh tử tán. Trị hông sườn đau, bụng đau hay như thần.

金鈴子 Kim-Linh-Tử (bỏ hạt) 2 lượng

元胡索 Ngươn-Hồ-Sách 2 lượng

Tán nhuyễn, mỗi lần uống ba chỉ với rượu.

Hậu-phác tam vật thang. Trị tâm phúc đau, đại-tiên bế.

厚朴 Hậu-Phác 4 chỉ

大黃 Đại-Hoàng 2 chỉ

枳實 Chỉ-Thiệt 1 chỉ 5

Sắc 2 chén còn 8 phân uống nóng.

Hậu-phác thất vật thang. Như thang trên, gia thêm :

桂枝 Quế Chi 1 chỉ 5

甘草 Cam-Thảo 1 chỉ 5

生羌 Sanh-Khương 2 chỉ 5

大棗 Đại-Táo 2 trái

Sắc 2 chén còn 8 phân uống, nếu có ới gia Bán-Hạ 1 chỉ, lạnh nhiều bội thêm Sanh-Khương 1 chỉ rưỡi.

Phụ-tử ngạnh mẽ thang. Trị trong bụng có khí lạnh làm sôi bụng mà đau như cắt, bụng sườn đầy sanh ới mửa.

附子 Phụ-Tử (chế) 2 chỉ

半夏 Bán-Hạ 4 chỉ

炙草 Chích-Thảo 1 chỉ

硬米 Ngạnh-Mễ 5 chỉ

大棗 Đại-Táo 2 trái



Sắc 3 chén còn 8 phân uống lúc còn ấm, ngày đêm uống 3 lần.

Đại hoàng phụ-tử thang. Trị sườn dưới đau, phát nóng mạch di khãn huyền.

大黃	Đại-Hoàng	3 chỉ
附子	Phụ-Tử	3 chỉ
細辛	Tế-Tân	2 chỉ

Sắc 2 chén còn 8 phân uống.

Đương-Qui Sanh-Khương Dương-Nhục Thang.

Trị mọi chứng về tâm phúc thống đả hư cực dùng mọi thứ thuốc không hết uống bài này thấy hiệu nghiệm như thần, và trị các chứng đau sóc hông, đàn-bà bị sản-hậu đau quận trong bụng,

當歸	Đương-Qui	7 chỉ 5
生羌	Sanh-Khương	1 lượng
羊肉	Dương-Nhục	4 lượng (bỏ gân)

Sắc 5 chén nước còn 2 chén uống ấm mỗi lần 1 chén uống, mỗi ngày 2 lần.

Quát-Lâu Phi-Bạch Bạch-Tửu Thang. Trị ngực rang sườn, ho, bụng và lưng đau, mạch thốn trầm trì, quan mạch tiêu khãn.

括萎	Quát-Lâu	5 chỉ
蘼白	Phi-Bạch	5 chỉ



Rượu trắng 3 chén sắc còn 8 phân uống gia Bán-Hạ gọi là Quất-Lâu Phi-Bạch Bán-Hạ Thang. Trị ngực rang nồm không được bụng đau đến lưng.

Đại Kiển-Trung Thang. Trị bụng lạnh đau, ới không ăn uống được.

川椒	Xuyên-Tiêu	3 chỉ
干羌	Càng-Khương	4 chỉ
人參	Nhơn-Sâm	3 chỉ

Sắc hai chén-còn một chén bỏ sát, cho vào 4 chỉ Giao-Di sắc còn lại 8 phân để ấm uống. Sau một lúc lâu có thể ăn được nửa tô cháo nóng.



CHƯƠNG VIII

隔 食 反 胃

CÁCH-THỰC PHIÊN-VỊ

隔食病津液乾 (Cách-thực bịnh, tân-dịch cạn)
Bịnh Cách-thực, do tân-dịch khô.

Trong phương thơ gọi cách là chứng bịnh ở trên ngực
ngăn cách, lại nói cách là ăn đồ không xuống mà ứ cách. Tân
dịch khô ấy là nguồn gốc của bịnh cách-thực.

胃脘閉穀食難 (Vị quản bế, cốc thực nan)
Miệng bao-tử đóng lại, thời món ăn khó xuống.

Khi vị quản khô thì rút nhỏ lại, uống nước thì thông
được, mà đồ ăn khó xuống được.

時賢法左歸餐 (Thời Hiền pháp, Tả-Quy xan)
Phép của bậc hiền, cho uống Tả-Quy Âm.

Ông Triệu-Dương-Quy dùng đại tễ Lục-Vị Thang làm
gốc, ông Cao-Cồ-Phong cũng phỏng theo phép của ông
Triệu-Dương-Quy tức là bài Lục-Vị gia Sanh-Địa, Đương-
Qui làm chủ. Còn ông Dương-Thừa-Lục dùng bài Tả-Quy
Âm bỏ Phục-Linh gia Đương-Quy, Sanh-Địa. Cho là trong
bài Tả-Quy Âm có vị Cam-Thảo dẫn vào Dương-Minh khai
triển vị âm, bớt Phục-Linh là đề phòng nước trắng vào
khâm (thận) chỉ bằng chỉ chuyên lo về Dương-Minh còn
ông hiệu mau chóng hơn.



胃陰展貴門寬 (Vi âm triển, bí môn khoan)

Vi âm mở, bí môn rộng.

Như cao như mở chứa đựng ở dưới đáy vị tức là vi âm vậy. Những người bị chứng cách lâu ngày thì vị âm mất ông Cao-Cồ-Phong nói rằng : « Trị chứng cách chỉ trị ở Dương-Minh là đủ. » Dương-Minh tức là vị. Bởi vì vị âm đầy thì của bí môn ở trên mở rộng đồ ăn mới vào được, cửa U-Môn, Lan-Môn có nhuận ướt thì nhị tiện mới thông mà chứng cách mới hết.

啟膈飲理一般 (Khải cách âm, lý nhứt ban)

Bài Khải-Cách lý cũng vậy.

Bài Khải-Cách Âm cũng là ý hòa vị, dưỡng âm. Nhưng phương này làm tiết khí uất của phế, phương kia để cứu thận-thủy bị khô ráo, một đằng âm, một đằng dương nên chọn mà dùng.

推至理衝脈干 (Xuy chí lý, xung mạch can)

Xuy cho tới lẽ, là bởi xung mạch can lên.

Ông Trương-Thạch-Ngoan nói rằng : « ở nơi cách yết mà khí giao thông không xuống được là bởi xung mạch đưa lên, cho nên làm ra khí nghịch.

大半夏加蜜安 (Đại Bán-Hạ, gia Mật an)

Thang Đại-Bán-Hạ, thêm Mật vào uống.

Xung mạch không trị mà chỉ giữ lấy dương-minh. Cụ Trọng-Cảnh dùng Bán-Hạ để chặn nghịch khí của xung mạch xuống, dùng Nhân-Sâm để sanh Tân-dịch đã mất, dùng ngọt cho nhuận thủy để dè cái nước đưa ngược lên, những phương của bạch thánh để lại. Duy-có cụ Trọng-Cảnh biết dùng.



金匱秘仔細看 (Kim-Quĩ bí, tử tế khan) Bí quyết của bộ Kim-Quĩ, phải xem thật kỹ.

Bí quyết của bộ Kim-Quĩ nói rõ cách dùng Bán-Hạ rất rõ-ràng, đến đời sau các nhà làm thuốc thấy Bán-Hạ là sợ không dùng. Bỏ cả thuyết của thánh-nhơn. Người nào xướng khởi ra thật là đáng ghét.

若反胃實可嘆 (Nhược Phiên-vị, thực khả than) Nếu mà phiên-vị, thật đáng than.

Ăn vào một hồi lâu lại ói trở ra ấy gọi là phiên-vị.

朝暮吐分別看 (Triêu mộ thổ, phân biệt khan) Sớm hay chiều thổ, phải chia ra mà trị.

Sáng ăn chiều mửa, chiều ăn sáng mửa, ấy chứng là cách thực nên phân biệt cho rõ mà trị

乏火化屬虛寒 (Phạp hỏa hóa, thuộc hư hàn) Thiếu chất lửa hóa, thuộc hư-hàn.

Ông Vương-Thái-Bộc nói rằng : « Ăn không vô được là có hỏa, ăn vô rồi lại thổ ra là không có hỏa. » Chứng này thuộc trung-tiêu, hạ-tiêu, hỏa suy không còn nghi ngờ gì nữa.

吳茱飲獨附丸 (Ngô-Thù Ẩm, Độc-Phụ Hoàn) Uống thang Ngô-Thù-Du hay Độc-Phụ Hoàn.

Cái hay của thang này là vị Ngô-Thù trấn đê nghịch khí của kinh quyết-âm, cho vị cam ôn vào, khiến cho Chấn (phong) Khôn (thổ) hợp đức thời thổ mộc không hại nhau.

六君類俱神丹 (Lục-Quân Loại, cấu thần đơn) Thang Lục-Quân đều là thuốc thần.

Như những loại Lục-Quân-Tử thang gia khươn, Phụ và thang Phụ-Tử Lý-Trung.



BÀI THUỐC LOẠI CÁCH-THỰC PHIÊN-VI

Tả-Quy Âm. (Cảnh-Nhạc) Tức là thang Lục-Vi
bớt Đơn-Bì, Trạch-Tả gia Câu-Kỷ, Chích-Thảo.

Khải Cách Âm. Trị chứng ăn vô thở ra liền.

川貝母	Xuyên-Bối-Mẫu	1 chỉ 5
沙參	Sa-Sâm	3 chỉ
丹參	Đan-Sâm	2 chỉ
鬱金	Uất-Kim	5 phân
干荷蒂	Càn Hà-Đế	5 cái
沙仁壳	Sa-Nhơn Sác	4 phân
枳頭糠	Đậu-Khang	3 chỉ
茯苓	Phục-Linh	1 chỉ 5
石菖蒲	Thạch-Xương-Bồ	4 phân

Sắc hai chén còn một chén uống.

Đại Bán-Hạ Thang. Trị vị phiến.

人參	Nhơn-Sâm	2 chỉ
半夏	Bán-Hạ	4 chỉ

Bán-Hạ ngâm nước gừng hai ngày, mỗi ngày thay một lần rồi ngâm nước 3 ngày, mỗi ngày thay một lần, đem ra chưng chín xắt miếng phơi khô, dùng trường lưu thủy với mật sắc uống.

Sắc hai chén rưới còn 7 phân uống.

Ngô-Thù-Du Thang. (Xem chương tâm phúc thông)



Lục-Quân-Tử Thang. Phương này bỏ tỳ, kiện vị
trừ đàm, ăn nhiều. Trăm bệnh có thể dùng bài thu công.

RT
2

人參	{	Nhơn-Sâm	2 chỉ
白朮	{	Bạch-Truật (sao)	2 chỉ
茯苓	{	Phục-Linh	2 chỉ
半夏	{	Bán-Hạ	2 chỉ
陳皮		Trần-Bì	1 chỉ
炙草		Chích-Thảo	1 chỉ
生羌		Gừng Sống	5 lát
大棗		Đại-Táo	2 trái

Cương
Tỳ
Vị
Nhaul
Đại Hoàng

Từ Sừng
Đ. 84
KHÍ (MÁP)

Phụ-Tử Lý-Trung Thang. Trị phiên-vị tức là bài Lý-Trung gia thêm Phụ-Tử. Trị-phiên-vị nên gia thêm Phục-Linh 4 chỉ, Cam-Thảo bớt đi nửa.



CHƯƠNG IX

氣 喘

BỆNH KHÍ SUYỀN

喘促證治分門 (Suyễn xúc chứng, trị phân môn) Chứng suyễn xúc, chia từng môn mà trị.

Hơi thở gấp mà đưa lên nên phân biệt mà trị.

鹵莽輩只貞元 (Lỗ mǎng bối, chỉ trinh-nguyên) Bọn lỗ-mǎng, chỉ dùng thang Trinh-Nguyên.

Bài Trinh-Nguyên Âm là trị chứng huyết hư mà khí không nơi phụ thì uống phương này cho đỡ hườn, trong bài này có Thục-Địa, Đương-Qui, làm nhuân, có Cam-Thảo vị ngọt làm ngọt làm hườn, đó là thang thường uống để điều-dưỡng, chớ không phải phương cấp cứu. Các thầy thuốc ngày nay hề gặp chứng nguyên-khí muốn thoát mà đưa lên. Thường dùng bài này để cho mau ng ị. Thực đáng than phiền lắm chứ !!!

陰霾盛龍雷奔 (Âm mai thịnh, long lôi bồn.) Âm thịnh lửa long lôi động.

Bệnh suyễn phần nhiều thuộc về âm, bệnh âm là âm-tà, không có lửa chiếu lên không-trung thời làm sao lui được quần-âm. Nếu dùng những loại như Đại-Hoàng để phụ họa châm âm, thì khí âm xung lên đầy trời ám, mà cái hỏa long lôi nhân đó lại càng bùng lên.

實喘者痰飲援 (Thực suyễn giả, đàm ăm viên)

Chứng suyễn thực, do đàm-ăm.

實喘者痰飲援 } QT 85



Chứng suyễn thuộc về thực là do phong-hàn không giải được, lại có dàm ẩm giúp vô. Cho nên làm ho hen nhiều mới làm ra suyễn.

QT
Z

葶歷飲十棗湯 (Đình-Lịch ẩm, Thập-Tảo thang) Uống Đình-Lịch ẩm, Thập-Tảo thang.

Phế khí mà thực, đường của khí bị bế tắc, sanh ra suyễn, dùng Đình Lịch Đại-Tảo Tả-Phế Thang làm chủ trị. Ho mà có hơi suyễn là dưới bụng bị động ẩm, hoặc hai bên sườn đầy đau, nên dùng bài Thập-Tảo Thang mà trị.

青龍輩徹其藩 Thanh-Long bối, triệt kỳ phan) Những thang Thanh-Long, trị dứt được.

Bài này giải biểu kiêm cả lợi thủy, trị cả tà bên trong bên ngoài, đều đuổi đi được.

虛喘者補而溫 (Hư suyễn giả, bổ nhi ôn) Chứng hư suyễn, phải ôn bổ. QT

Chứng hư suyễn làm hơi thở gấp không thể nối liền, mạch đi hư tế mà vô lực nên lấy hai chữ ôn, bổ làm chủ. Nhưng có khi lấy bổ làm ôn, có khi lấy ôn làm bổ, chớ nên theo một đường mà dùng thang Trịnh-Nguyên hoài làm cho hư trệ dàm dai vậy. QT

桂苓類腎氣論 (Quế-Linh loại, thận khí luận) Như loại thang Quế-Linh, Thận-Khí hoàn.

Cụ Trọng-Cảnh nói rằng : « Khí ngán có thủy ẩm nên cho theo đường tiêu-tiện đi ra. » Nên dùng bài Quế-Linh Truật Cam Thang làm chủ hay bài Thận-Khí Hoàn cũng được.

平衡逆泄奔騰 (Bình Sung nghịch, tiết bên dằng) Bình hơi xông lên, tiết hơi bên dằng.



Cái khí đưa lên nên dùng Tiều Bán Hạ gia Phục-Linh Thang mà dè xuống ; chúng bôn dâng mới bắt đầu, dưới rún có động khí lâu sẽ đưa lên nhói tới tim, nên dùng Phục-Linh Quế-Chi Cam-Thảo Đại-Táo Thang làm êm điệu.

真武劑治其源 (Chân-Vũ Tề, trị Kỳ nguyên)
Thang Chân-Vũ, trị ở gốc.

Trong Nội-Kinh nói rằng : « Chúng suyền ngọn ở phôi, còn gốc thời ở thận. » Cho nên bài Chân-Vũ tã gốc trị bịnh suyền.

金水母主諸坤 (Kim thủy mẫu, chủ chư khôn)
Mẹ kim thủy chủ ở khôn (thờ).

Phôi thuộc kim chủ ở trên, thận thuộc thủy chủ ở dưới. Chứng hư suyền cơ nguy của trời với nước không giao với nhau. Trị bịnh phải cầu ở gốc, phải biết rằng trời với nước cùng một khí mà vị trí ở trong trời với nước là khôn thờ, thờ là mẹ của kim; kim là mẹ của thủy những chứng ngặt-nghèo phải lấy tỳ vị làm chủ.

六君子妙難言 (Lục-Quân-Tử, diệu nan ngôn)
Thang Lục-Quân-Tử, hay không thể tả được.

Bài Lục-Quân-Tử gia Ngũ-Vị, Càn-Khương, Bắc Tề Tân là phép trị suyền như thần, nếu mặt sưng gia Hạnh-Nhon, mặt nóng như người say rượu gia Đại-Hoàng, Phụng này các thời Y nghe tới lấy làm sợ, nhưng đọc rõ bộ Kim-Quĩ mới biết lời nói của tôi là không sai.

他標劑忘本根 (Tha tiêu tề, vong bản căn)
Những phương thuốc khác, quên cả cội gốc.

Duy có bài Hắc-Tịch Đơn trấn nạp ngưng-khí, bịnh suyền phải dùng phương ấy. Ngoài ra các phương khác như Tô-Tử Giáng-Khí Thang, Định Suyền Thang và Trầm-Hương, Hắc-Diên các loại ấy là món hại người.



Cu K! (Sâm Truật
+ -85- Quê Linh)

BÀI THUỐC LOẠI KHÍ SUYÊN

Tô-Tử giáng-khí thang. Trị chứng trên thịnh dưới hư, khí suyền.

蘇子	Tô-Tử (sao sỡ)	2 chỉ
前胡	Tiền-Hồ	2 chỉ
當歸	<u>Đương-Quy</u> (-)	1 chỉ
半夏	Bán-Hạ	1 chỉ
陳皮	Trần-Bì	1 chỉ
厚朴	Hậu-Phác	1 chỉ
沉香	<u>Trầm-Hương</u> (-)	5 phân
炙草	Chích-Thảo	5 phân
生羌	Cừng	3 lát
大棗	Đại-Táo	2 trái

Sắc hai hai chén nước còn 8 phân.

Đình Lịch Đại Táo Tả Phế Thang. Trị chứng uống nhiều mà phế khí bế, khí bế thời hô-hấp không được như thường. Dùng phương này có chất đắng đề giáng xuống tiết thực-tà.

Đình-Lịch-Tử... (sao sỡ) nghiền nát như bùn 2 chỉ lấy một chén rưới nước với 12 trái táo, sắc còn 8 phân bỏ Đình-Lịch vô uống.

Trình-Nguyên Âm. Âm huyết, tức là nơi dương khí nương tựa, nếu huyết hư thì khí không nơi nương tựa, hoặc có khí hơi suyền, đàn bà huyết hải thường hư phần nhiều có những chứng ấy, ông Cảnh-Nhạc lập phương với ý là ở bốn chữ Tể, Chi, Hườn, Chi. Tể dùng Thược, Qui, Hườn dùng Cam-Thảo, ý nghĩ như thế.

∞

→

Đan Ba

QT

Thục

xxx



Độc Quy 7 lang, ch... 2 ty

Ngày nay nười ta gia Tử-Thạch-Anh Hắc-Diên là thứ trọng trấn thời không còn nghĩa hườn, gia Trầm-Hương, Bạch-Giới-Tử các vị cay đắng thời mất nghĩa chữ tế.

*Triều
Nguyễn
Chức?*

生地黃	<u>Sanh-Địa-Huyền</u>	1 lượng
當歸	Đương-Quy	3 chỉ
炙草	Chích-Thảo	2 chỉ

Sắc ba chén còn 8 phân uống.

Linh Quế Truật Thảo Thang. (Kim - Quỷ) Trị hơi ngắn. Ông Dụ-Gia-Ngôn nói rằng : « phương này trị hơi thở ra ngắn.»

茯苓	Phục-Linh	4 chỉ
白朮	Bạch-Truật	2 chỉ
桂枝	Quế-Chi	2 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ 5

Sắc hai chén còn 8 phân uống.

Thận-khí hoàn. (Kim-Quỷ) Trị hơi ngắn. Ông Dụ-Gia-Ngôn nói rằng : « Phương này trị hơi hút vào ngắn. »

生地黃	Địa-Huyền	8 lượng
山藥	Sơn-Dược	4 lượng
山茱萸	Sơn-Thù-Du	4 lượng
茯苓	Phục-Linh	3 lượng
丹皮	Đan-Bì	3 lượng
宅左	Trạch-Tả	3 lượng

BÁT-VỊ



②

<u>附子</u> Phụ-Tử	2 chỉ
桂枝 Quế-Chi	1 lượng

Các vị thuốc trên tán nhuyễn hòa mật làm hườn bằng
hột ngô đồng mỗi lần uống từ 15 đến 20 hườn với rượu.

Phục-linh Cam-thảo Đại-táo thang. (Trọng-Cảnh)

Trị khí suyễn, mà ở dưới rún có động khí.

茯苓 Phục-Linh	6 chỉ
桂枝 Quế-Chi	2 chỉ
炙草 Chích-Thảo	2 chỉ
大棗 Đại-Táo	4 trái

Sắc ba chén rưới nước, trước nấu Phục-Linh còn hai
chén rồi bỏ các vị thuốc kia vô sắc còn 7 phân uống (Sắc dùng
trường lưu thủy rất tốt).

Chan-Vũ Thang. Trấn nghịch thủy trị đàm suyễn

như thần.

茯苓 Phục-Linh	3 chỉ	6 chỉ?
生羌 Sanh-Khương	3 chỉ	
白芍 Bạch-Thược	3 chỉ	
白木 Bạch-Truật	2 chỉ	
附子 Phụ-Tử	1 chỉ	

*Cần Khương
Ngũ-Vị
Tế-Tân*

*Chan 9
84*

Sắc hai chén còn 8 phân uống.

Nên dùng Phục-Linh bằng hai, nếu ho nhiều bỏ Sanh-
Khương gia Cần-Khương 1 chỉ 5, Ngũ-Vị 1 chỉ, Tế-
Tân 1 chỉ.



Bưởi Phong Ly Chấn ?

Hắc Tích đơn. Trị tỳ, thận, hư lạnh, trên thiệt, dưới hư, năm thứ thủy hỉ, trúng-phong đàm trào lên nguy cấp.

沈香	<u>Trần-Hương</u>	5 chỉ
補骨脂	膀金鈴子木香肉豆蔻	
附子	<u>Phụ-Tử</u>	5 chỉ
胡盧巴	Hồ-Lưu-Bá ? <i>Suyis</i>	5 chỉ
肉桂	<u>Nhục-Quế</u> <i>Trái Hết</i>	5 chỉ
小茴香	<u>Tiểu-Hồi-Hương</u> <i>Nhục Hết</i>	1 lượng
硫黃	<u>Lưu-Huỳnh</u> <i>QT</i>	<u>3 lượng</u>
黑鉛	+ <u>Hắc-Điên</u> (sao với Lưu-Huỳnh thành hột sỏi)	<u>3 lượng</u>

Tất cả tán nhuyễn. Rượu chưng quậy hồ làm hườn bằng hột ngô, để khô mỗi lần uống bốn, năm chực hườn với nước gừng.

Suyis

Hắc Duyên là Hắc Tích
(Tất yếu)



CHƯƠNG X

血 證

HUYẾT - CHỨNG

血之道化中焦 (Huyết chi đạo, hóa trung tiêu)
Đường của huyết, bởi trung-tiêu hóa ra.

Nội-Kinh nói rằng : « Trung-tiêu thụ khí lấy nước biển hóa ra để gọi là huyết. »

本衝任中溉澆 (Bản xung - nhâm, trung khái
nhiều) Gốc ở xung nhâm, rồi tưới đi các nơi.

Máu chảy tràn một nửa theo mạch xung-nhâm rồi mới đi qua kinh lạc.

溫肌滕外逍遙 (Ôn cơ tẩu, ngoại tiêu diêu)
Ấm da và chân lông, ngoài được êm diêu.

Máu chảy một nửa tản ra mạch ở ngoài mà làm cho da và chân lông êm diêu.

六淫逼經道搖 (Lục-dâm bức, kinh đạo dao)
Sáu-Khi dâm bức, đường đi của huyết bị lay động.

Lục-dâm là phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa ; kinh là chường, đạo là đường, nói rằng ; « Đường của máu thường đi, nếu bị ngoại tà xâm vào thì bị lay động. »

宜表散麻芍條 (Nghị biểu tán, Ma Thược
điều) Nên tán biểu, uống Ma Thược.

Bị ngoại-thương nên tán biểu. Ông Đông-Viên trị một người ở trong chữa hư nhiệt, bên ngoài bị cảm hàn mà lại



thồ huyết. Theo cụ Trọng-Cảnh dùng Ma-Hoàng Thang gia bồ tề gọi là Ma-Hoàng Nhơn-Sâm Thược-Dược Thang uống vào khỏi ngay.

七情病溢如潮 (Thất tình bịnh, dật như triều)
Bịnh thất tình (bảy tình) nghĩa là hỉ (mừng) nộ (giận) ái (thương) cụ (sợ) ái (yêu) ố (ghét) dục (ham muốn). Thất-tình động bởi ngũ-chí, cho nên sách thuốc thường bảo rằng : « Năm-tạng đều có hỏa » Ngũ-chí mà dung lên thì hỏa động, hỏa động thời huyết theo hỏa mà tràn lên, nhưng ngũ-chí bị thương đã lâu tức là hư hỏa. Nên lấy phương cam ôn mà trị

引導法草茺調 (Dẫn đạo pháp, thảo Khương điều) Phép dẫn đạo, Thảo Khương trị.

Cam-Thảo Càn-Kương Thang hay như thần, hoặc gia Ngũ-Vị-Tử 2 chỉ, nếu hỏa thịnh gia thêm Càn-Tang-Bị 3 chỉ, Tiều-Mạch một lượng. Các Thời Y như bài Qui. Tỳ có dẫn huyết trở về tỳ, theo huyết này bảo rằng : dẫn huyết trở về tỳ, tức là dẫn huyết trở lại kinh. Thử hỏi tỳ có bao lớn, chứa bao nhiêu huyết ? chứa được mấy đầu mấy bồn không ? nếu đem huyết đưa hết vào trong tỳ nó sẽ bễ ra còn gì ! Các người như thế mà tự phụ là Lương-Y, thật là đáng giận lắm.

溫攝法理中趨 (Ôn nhiếp pháp, Lý-Trung-Siêu) Phép ôn nhiếp, thang Lý-Trung là hơn.

Bài Lý-Trung gia Mộc-Hương, Đương-Qui, sắc uống. Phàm gặp chứng thồ huyết nếu uống thuốc mát và thuốc tư nhuận nhiều quá, bên ngoài có vẻ lạnh lạnh ấy là dương hư, âm tẩu (chạy) phải dùng phương này cho huyết được ấm để đi theo trong kinh-lạc.



涼瀉法令瘀銷 (Lương tả pháp, linh ú tiêu)
Phép lương tả, khiến ú tiêu.

Thế hỏa thịnh, mạch đi hồng hữu lực thì cái phương hàn lương là gốc mà không thể bỏ được. Nhưng người nay hề gặp huyết chứng thì dùng những loại Ngẫu-Tiết, Hắc-Chỉ, Bạch-Cập, Cửu-Mặc để cho chỉ và sắt huyết lại để đến nỗi lưu ú không tan ra được mà thành chứng hư lao.

Kim-Quĩ có bài Tả-Tâm dùng vị Đại-Hoàng nhiều hơn, vị Cầm, Liên đó là phép lấy hàn trực-ứ. Bài Bá-Diệp trị thổ huyết không ngừng. đó là phép lấy ôn để tiêu ú. Hai phương này một phương ôn, một phương hàn đối nhau.

赤豆散下血標 (Xích đậu tán, hạ huyết tiêu)
Bài Xích đậu tán, trị hạ huyết.

Trước khi ỉa có máu gọi là cận huyết, Kim-Quĩ dùng Đương-Quy Xích-Tiêu Đậu Tán.

若黄土實翹翹 (Nhược Huỳnh-Thồ, thực kiêu kiêu) Còn Thang Huỳnh-Thồ hay chói lợi.

Sau khi ỉa mới ra máu ấy gọi là Viễn-huyết, Kim-Quĩ dùng bài Huỳnh-Thồ.

一切血此方鏡 (Nhứt thiết huyết, thử phương nhiếu) Những huyết chứng, phương này trị được hết.

Huỳnh-Thồ Thang không những trị riêng chứng viễn-huyết như thổ huyết, nục-huyết, đại-tiên huyết, tiểu-tiên huyết, đản bà huyết băng, và huyết lỵ lâu ngày không khỏi. Điều trị được cả, phương này, làm ấm trung cung thổ tạng (tỳ) lại lấy những phẩm hàn, nhiệt để giúp nhau, thật là hợp pháp.



PHỤ LỤC

Ngũ tạng đều có huyết, Lục phủ không có huyết ta thử coi mô bụng các loại thú dưới trái tim giáp với xương sống, trong bào-lạc có nhiều huyết, trong gan có nhiều huyết, tâm, tỳ phế, thận đều có huyết cả. Chỉ có Lục phủ không huyết,

Gần đây người ta cho thổ huyết nhiều là huyết ở vị. Câu nói này đều là lầm lẫn. Phàm thổ huyết ở ngũ-tạng thời chết. Còn những chứng thổ-huyết, nục-huyết, hạ-huyết, ấy là huyết ở kinh-lạc tan ra vậy.



BÀI THUỐC LOẠI HUYẾT CHỨNG

Ma-hoàng nhơn-sâm thực-dược thang. (Đông Viên) Trị thổ huyết, ngoại-cảm hàn-tà. Bên trong hư nóng.

桂枝	Quế-Chi	5 phân
麻黄	Ma-Hoàng	3 phân
黄底	Huỳnh-Kỳ	3 phân
炙草	Chích-Thảo	3 phân
白芍	Bạch-Thược	3 phân
人參	Nhơn-Sâm	3 phân
麥冬	Mạch-Đông	3 phân
五味子	Ngũ-Vị-Tử	5 hạt
當歸	Đương-Quy	5 phân

Sắc ba chén còn 8 phân uống nóng.

Cam-thảo càn-khương thang. (Kim-Quy)

炙草	Chích-Thảo	4 chỉ
干羌	Càn-Khương	2 chỉ

Sắc hai chén 8 phân uống

Bá-diệp thang. (Kim-Quy) Trị thổ huyết không ngừng. (ngọt)

把葉	Bá-Diệp	2 chỉ
干羌	Càn-Khương	1 chỉ
艾葉	Ngải-Diệp	1 chỉ
童便	Đồng-Tiện	2 chén

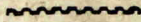
Sắc với hai chén nước còn 8 phân uống



Huỳnh-thỏ thong. (Kim-Quĩ) Trị sau khi tiêu rồi ra máu gọi là viễn huyết, cùng trị cả chứng nục-huyết, thổ-huyết nữa.

黄 土	Huỳnh-Thỏ	4 chỉ
生 地	Sanh-Địa	1 chỉ 5
黄 苓	Huỳnh-Cầm	1 chỉ 5
甘 草	Cam-Thảo	1 chỉ 5
阿 膠	A-Giao	1 chỉ
白 朮	Bạch-Truật	1 chỉ 5
附 子	Phụ-Tử	1 chỉ

Sắc 3 chén còn tám phân uống nóng.



CHƯƠNG XI

水 腫
THỦY-THỦNG

水腫病有陰陽 (Thủy thũng bệnh, hữu âm dương) Bệnh thủy thũng, có âm dương.

Bệnh thũng thì da phình lớn lên, khi mới khởi ở dưới mắt có hình như con tằm nằm ngang, rồi sau lần lần phình đều cả mình. Nếu mình lấy tay đè vô rồi phình ra liền ấy là chứng thủy thũng. Còn đè vô rồi một hồi lâu mới phình ra ấy là chứng khí thũng. Ông Cảnh-Nhạc cho rằng phình liền là khí, nếu không phình là thủy. Nhưng xét rằng : khí đi thủy cũng đi, nếu thủy trệ thời khí cũng trệ, cho nên có thể phân mà cũng không có thể phân ra được. Chỉ lấy dương-thủy, âm-thủy phân biệt được thôi.

便清利陰水殃 (Tiện thanh lợi, âm thủy ương)
Tiêu-tiểu nhiều và trong, hại do bởi âm thủy.

Tiểu tiện tự lợi, miệng không khát ấy thuộc hàn gọi là âm-thủy.

便短縮陽水傷 (Tiện đoản súc, dương thủy thương) Tiêu-tiểu đi rất, thương bởi dương thủy.

Tiểu tiện đi rất, miệng khát ấy thuộc nhiệt gọi là dương thủy.



五皮飲元化方 (Ngũ-Bì Âm, phương của ông Nguơn-Hóa.

Lấy da trị da mà không thương tới trung-khí, phương đó là của ông Nguơn-Hóa.

陽水盛加通防 (Dương thủy thịnh, gia Thông Phòng) Dương thủy thịnh, gia thêm Thông, Phòng.

Bài Ngũ-Bì-Âm gia thêm những loại Mộc-Thông, Phòng-Kỷ, Xích-Tiền-Đậu.

陰水盛加桂羌 (Âm thủy thịnh, gia Quế-Khương) Âm thủy thịnh, gia thêm Quế Khương.

Ngũ-Bì Âm gia thêm những loại Càn-Khương, Nhục Quế. Phụ-Tử.

知實腫薤枳商 (Trị thực thủng ; La chỉ thương) Biết bệnh thủng thuộc thực, uống loại La-Chỉ.

Biết thật là bệnh thủng thuộc thực, lúc tuổi trẻ bệnh thủng bỗng phát mà mạch thực thì cho gia những loại La-Bạc-Tử, Chỉ-Thiệt.

知虛腫參朮良 (Trị hư thủng, Sâm truật lương) Biết chắc bệnh thủng thuộc hư, uống Sâm, Truật.

Người già yếu bệnh lâu lần lần sanh thủng, mạch hư, gia những loại Nhon-Sâm, Bạch-Truật.

兼喘促真武湯 (Kiêm suyễn xúc, Chân-Vũ thang) Thêm chứng suyễn thở rút, uống thang Chân-Vũ.

Thủng nặng tiểu tiện không thông, khi suyễn, xích mạch hư nên dùng bài Chân-Vũ để hành thủy. Dùng Quế Linh Thảo Truật Thang hóa Khí của thái-dương bắt đầu uống trên mười thang, kế tiếp dùng hai thang Đạo-Thủy Phục-Linh thì khỏi liền.



Các thầy bây giờ chỉ trọng về gia vị Thận-Khí-Hườn mà không biết rằng : bổ trợ âm-khí, lại càng thêm thủy-tà đừng có khinh thường mà uống.

從俗好別低昂 (Tòng tục hiếu, biệt đê ngang)
theo thói thường, chia cao thấp.

Các phép ở trên là theo thói thường, nhưng theo thói thường mà không theo qui cũ của tiên-dân thì cũng có thể giết người được.

五水辨金匱詳 (Ngũ thủy biện, Kim-Quy tường)
Chia năm thủy, bộ Kim-Quy chú rõ.

Bệnh do ngoại cảm mà thành gọi là phong-thủy, bệnh theo ngoại cảm mà thành là tà đã thấm vào trong da nhưng không ở tại biểu mà ở tại lý gọi là bì thủy; có khi bệnh không do ở phong mà do tam - âm kết thành nước gọi là chánh-thủy, có khi bệnh âm-tà nhiều mà chìm ở dưới gọi là thạch-thủy, có khi bệnh bởi phong, bởi thủy thương thành ra tâm uất nhiệt gọi là huỳnh-hãn. Bộ Kim-Quy nói rất rõ, đọc kỹ bộ Kim-Quy thì biết được tôn chỉ, đừng có lỗ mãng mà làm lỡ việc, trong các phương nghĩa lý rất tinh nên chú trọng mà coi thì rõ.

補天手十二方 (Bổ thiên thủ, thập nhị phương)
Vá được trời, có mười hai phương.

Việt-Tỳ Thang, Phòng-Kỷ, Phục-Linh Thang, Việt-Tỳ gia Bạch-Truật Thang, Cam-Thảo Ma-Hoàng Thang,



② → Ma-Hoàng Phụ-Tử Thang, Hạnh Nhơn Thang, Bờ-Hôi Tán, Kỳ-Thước Quế Tửu Thang, Quế-Chi gia Huỳnh-Kỳ, Thang, Quế Cam Khương Táo Ma Tân Phụ-Tử Thang, Chỉ Truật Thang, Phụ Phương Ngoại-Đài Phòng-Kỷ Huỳnh-Kỳ Thang.

肩斯道勿炎涼 (Kiên tư đạo, vật viêm lương
Gánh đạo ấy, đừng ấm lạnh. .

Tôi mong rằng : Mình đã gánh đạo ấy thì cứ noi theo đạo thánh mà làm, chớ đừng có theo thói đời mà khi chìm khi nổi.



BÀI THUỐC LOẠI THỦY - THÙNG

Ngũ-Bì Âm. Thông dụng trị bệnh thùng.

大腹皮	Đại-Phúc-Bì	4 chỉ
陳皮	Trần-Bì	3 chỉ
雲苓皮	Vân-Linh-Bì	4 chỉ
桑白皮	Tang-Bạch-Bì	2 chỉ
生羌皮	Vô Gừng-Sống	4 chỉ

Sắc ba chén còn tám phân uống ấm. Nếu thùng ở trên nên phát hàn gia thêm Tô-Điệp, Kinh-Giới, mỗi vị 2 chỉ, Phòng-Phong, Hạnh-Nhơn mỗi vị 1 chỉ 5; nếu thùng ở dưới nên thông lợi tiêu-tiện gia Phòng-Kỷ 2 chỉ, Mộc-Thông, xích-tiểu-Đậu mỗi vị một chỉ 5 phân, suyền mà bụng trướng gia Sanh Lai-Bạch-Tử, Hạnh-Nhân mỗi vị 2 chỉ, nếu tiêu tiện không thông lợi ấy là dương-thủy, gia xích, tiêu-đậu, phòng-kỷ; còn tiêu tiện tự lợi ấy là âm thủy, gia Bạch-Truật 2 chỉ, Thương-Truật, Xuyên-Tiên mỗi vị một chỉ rưỡi nếu nóng gia Hải-Cấp 3 chỉ, Tri-Mầu 1 chỉ 5; nếu lạnh gia Phụ-Tử, Càn-Khương mỗi vị 2 chỉ, Nhục-Quế 1 chỉ; có ói mửa gia Bán-Hạ, Sanh-Khương mỗi vị 2 chỉ; có đau bụng gia Bạch-Thược 2 chỉ, Quế-Chi 1 chỉ, Chích-Thảo 1 chỉ.

Đạo Thủy Phục-Linh Thang. Trị thủy thùng đầu mặt tay chân mình mảy đều sưng.

宅左	Trạch-Tả	3 lượng
赤茯苓	Xích-Phục-Linh	3 lượng
麥門冬	Mạch-Môn-Đông	3 lượng
白朮	Bạch-Truật	3 lượng
桑白皮	Tang-Bạch-Bì	1 lượng



蘇 薯	Tủ-Tô	1 lượng
兵 良	Binh-Lang	1 lượng
木 瓜	Mộc-Qua	1 lượng
大 腹 皮	Đại-Phúc-Bì	7 chỉ
陳 皮	Trần-Bì	7 chỉ
沙 仁	Sa-Nhơn	7 chỉ
木 香	Mộc-Hương	7 chỉ

Trộn lộn mỗi lần uống 1 hay 2 lượng, nước 2 chén, Đấng-Thảo 30 cọng sắc cùn 8 phân uống sau khi ăn một hồi lâu.

Gia Giảm Thận Khí Hườn. Trị tỳ thận đều hư, thũng càng ngày càng to lên. Suyễn hen không ngũ được.

熟 地	Thục-Địa	4 lượng
狀 苓	Phục-Linh	3 lượng
肉 桂	Nhục-Quế	1 lượng
牛 必	Ngưu-Tất	1 lượng
丹 皮	Đơn-Bì	1 lượng
山 藥	Sơn-Dược	1 lượng
宅 左	Trạch-Tá	1 lượng
車 前 子	Xa-Tiền-Tử	1 lượng
山 茱 肉	Sơn-Thù-Nhục	1 lượng
附 子	Phụ-Tử	5 chỉ

*Suyễn
thung*

Phụ?
QT?
2805
2.5

Tán nhuyễn, luyện mật làm hườn bằng hột ngô đồng. Mỗi lần uống ba chỉ với Đấng-Thảo Thang. Mỗi ngày uống hai lần. Còn như bột lượng làm chỉ sắc uống gọi là gia giảm Kim-Quý Thận-Khí Thang.

QT

x x x x x
Tìm sách



Kim-Quy Huỳnh-Kỳ Thang. (Kim-Quy) Trị phong thủy mạch phù, mình nặng xuất mồ-hôi sợ gió.

防己	Phòng Kỳ	3 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ 5
白朮	Bạch-Truật	2 chỉ
黃芩	Huỳnh-Kỳ	3 chỉ
生羌	Cương-Sống	4 lát
大棗	Đại-Táo	1 trái

Sắc hai chén nước còn 8 phân uống.

Việt-Tỳ Thang. (Kim-Quy) Trị sợ gió khắp mình sưng, mạch phù, không khát nước, tự nhiên ra mồ-hôi, nóng nhiều.

麻黃	Ma-Hoàng	6 chỉ
石膏	Thạch-Cao	8 chỉ
甘草	Cam-Thảo	2 chỉ
生羌	Sanh-Khương	3 chỉ
大棗	Đại-Táo	5 trái

Nước nấu trước với Ma-Hoàng, bốn chén nước còn ba chén bỏ bã rồi sẽ bỏ các vị kia vào sắc còn 8 phân. Uống ngày và đêm chia làm 3 lần.

Hạnh Tử Thang

Cam-Thảo Ma-Hoàng gia Hạnh-Nhơn

Phong-Kỷ Phục-Linh Thang. (Kim-Quy) Trị tứ-chỉ sưng đầy, nước ở da lãn-tần động.

防己 Phòng-Kỷ 3 chỉ



桂枝	Quế-Chi	3 chỉ
黄底	Huỳnh-Kỳ	3 chỉ
茯苓	Phục-Linh	6 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ

Sắc 3 chén còn 3 phân uống ngày và đêm, uống ba lần.

Bồ Hôi Tán (Kim-Quĩ)

蒲灰	Bồ hôi	Nửa cân
滑石	Huyết-Thạch	1 cân

Tán nhuyễn mỗi ngày uống ba lần.

Cam-Thảo Ma Hoàng Thang

麻黄	Ma-Hoàng	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	2 chỉ

Nước hai chén nấu Ma-Hoàng trước còn 1 chén bỏ bột, kể bỏ Cam-Thảo vào vào sắc còn 7 phân uống trộm mền lại cho ra mồ-hôi, nếu không ra nên uống thêm một lần nữa.

Hai vị trên đề thông phế khí giúp thở khí bên ngoài hành thủy khí.

Ma-Hoàng Phụ-Tử Thang.

麻黄	Ma-Hoàng	3 chỉ
炙草	Chích-Thảo	2 chỉ
附子	Phụ-Tử	1 chỉ

Nước hai chén nấu trước Ma-Hoàng còn 1 chén rưới bỏ bột rồi cho các vị kia vào sắc còn 7 phân để ấm chia làm ba lần. Bài này làm phép ôn kinh, tán hàn,



chuyên ra làm ôn kinh đề lợi thủy rất hay.

Huỳnh-Kỳ Quế Thuộc-Dược Khô Tửu Thang.
(Kim-Quí) Trị mình mẩy sưng thũng phát nóng ra mồ-hôi
mà khát nước.

黄底	Huỳnh-kỳ	5 chỉ
芍药	Thuộc-Dược	3 chỉ
桂枝	Quế-Chi	3 chỉ

Khô tửu 1 chén rượu, nước 1 chén sắc còn còn 8 phân
để ấm uống.

Quế-Chi Gia Huỳnh-Kỳ Thang. (Kim-Quí) Trị
bệnh mồ-hôi vàng, trái lại phát nhiệt không ngớt, trong
ngực đau từ lưng trở lên ra mồ-hôi từ lưng trở xuống
không có mồ-hôi.

桂枝	Quế-Chi	3 chỉ
芍药	Thuộc-Dược	3 chỉ
生羌	Sanh-Khương	3 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ
黄底	Huỳnh-Kỳ	2 chỉ
大枣	Đại-Táo	4 trái

Sắc 3 chén còn 8 phân để ấm uống.

Phương trước là phép trị chánh bệnh hoàng-hãn,
phương này là phép trị huỳnh-hãn biến chứng.

Saigon, ngày 15 tháng 5 năm 1958 D.L (Mậu Tuất)

Đệ tử THANH-Y

PHẠM-HỮU-TRẠI Phụng-biên



LÃO - Y

TRẦN - DUY - BÌNH

Chuyên trị:

ĐÀN ÔNG :

Di - tinh, Mộng - tinh v. v.

ĐÀN BÀ :

Sản - hậu, Tiểu - sản và
Huyết - chứng v. v.

CON NÍT :

Ban - trái, Sên - lải v. v.

226, Đại - lộ Đinh - Tiên - Hoàng

Đakao SAIGON



— THUỐC —

MỒ HÔI TRỘM

HIỆU KIM ĐIỀN

trị bệnh con nít đồ mồ
hôi trộm khi đang ngủ.

Rất hay, giá 25đ.

(Bán khắp nơi). Nhà thuốc:

361, Phan đình Phùng

Saigon.





ĐÔNG - Y - SĨ
HÀ-DOÃN-TRUNG

VÀ CON
THIẾU-TRUNG
TIỂU - TRUNG

Xem mạch người lớn và trẻ em

Chuyên môn châm cứu

Số 94 Nguyễn-Trí-Phương

Cholon

中 充 何

中 少 }
中 小 } 男 授

脈 方 小 大

灸 針 手 老

號 四 十 九 道 大 芳 智 阮 岸 邊



CÙNG ĐỘC GIẢ

SẮP XUẤT BẢN

Y-HỌC TAM-TỰ-KINH Quyển II

Gồm đầy đủ các chương

—Trương-Mảng, Thử-Chứng, Tiết-Tả, Huyền-vùng
Âu-thồ, Điên, Cuồng Giảng, Ngũ-Lâm, Long-bế, Khát
bệnh, Di-Tinh, Sán-Khí, Đàm-Âm, Tiêu-Khát, Thương-
Hàn Ôn-Dịch Phụ-Nhơn Kinh Sản Tập Bệnh. Tiểu-Nhi

Có đầy các phương dược trị liệu

và

Nhiều bộ sách quý như :

— THỜI PHƯƠNG DIỆU DỤNG

Quyển I

Quyển II

Quyển III

Quyển IV

— BỒ CHÚ NẠN-KINH

Quyển I

Quyển II

Quyển III

Quyển IV

— BỒ CHÚ MẠCH-HỌC VƯƠNG-THỨC-HÒA
từ quyển I đến quyển bốn đầy đủ nguyên-văn và chú-giải



MỤC - LỤC

	Trang
<i>Chương I</i>	
Y-HỌC NGUYỄN-LUU12
<i>Chương II</i>	
TRÚNG - PHONG và BÀI THUỐC loại TRÚNG-PHONG22
<i>Chương III</i>	
HU-LAO và BÀI THUỐC loại HU-LAO38
<i>Chương IV</i>	
KHÁI - THẤU và BÀI THUỐC loại KHÁI - THẤU48
<i>Chương V</i>	
NGƯỢC-TẬT (RÉT) và BÀI THUỐC loại RÉT.56
<i>Chương VI</i>	
LỖ CHỨNG và BÀI THUỐC loại LỖ CHỨNG61



Chương VII

TÂM PHÚC THỐNG HƯNG TÝ và
BÀI THUỐC 66

Chương VIII

CÁCH-THỰC PHIÊN-VỊ và BÀI THUỐC. 77

Chương IX

KHÍ-SUYỀN và BÀI THUỐC loại KHÍ-
SUYỀN 82

Chương X

HUYẾT-CHÚNG và BÀI THUỐC loại
HUYẾT-CHÚNG. 89

Chương XI

THỦY-THỦNG và BÀI THUỐC loại
THỦY-THỦNG 95



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
231-233 *Phạm Ngũ Lão - Saigon*







ĐÍNH CHÍNH

Trang 41 hàng 15 chữ Phương Nhị Thần có thể chết mà sống lại, xin sửa lại là Hai Phương Thần có thể chết mà cứu sống lại.

Mỗi quyền đều có chữ ký và con dấu của
Dịch giả.

Thư từ và bưu phiếu mua sách xin đề cho :

Cụ TRẦN DUY BÌNH
226, Đinh tiên Hoàng
ĐAKAO — SAIGON

Giấy phép số 1266/XB
ngày 13 8 1958 của HĐKD

Tìm sách

GIÁ 55 đồng

